

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



**GIÁO TRÌNH**  
**MÔN HỌC: LỄ HỘI VIỆT NAM**  
**NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH**  
**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch)*

**Thái Nguyên, năm 2022**  
(Lưu hành nội bộ)

## LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình **Lễ hội Việt Nam** được biên soạn nhằm đáp ứng nhu cầu về tài liệu giảng dạy và học tập cho sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn Du lịch của Khoa Khách Sạn - Du Lịch, trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch.

**Lễ hội Việt nam** là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo Hướng dẫn Du lịch của Khoa Khách Sạn - Du Lịch trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch

Căn cứ theo chương trình môn học Lễ hội Việt Nam và tham khảo các tài liệu, giáo trình của ngành Du lịch, Giáo trình **Lễ hội Việt nam** được biên soạn dựa theo các tác giả sau đây:

- Dương Văn Sáu, Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch, Trường ĐH Văn hoá Hà Nội, 2004.

- Lê Trung Vũ, Lễ hội Việt Nam, Nxb Văn hoá thông tin, 2013

- Ngô Thị Kim Doan, Những lễ hội Việt Nam tiêu biểu, Nxb Văn hoá thông tin, 2000

Nội dung của giáo trình bao gồm 02 chương:

### **Chương 1. Tổng quan về lễ hội Việt Nam**

### **Chương 2. Các loại hình lễ hội Việt Nam**

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ email của khoa khách sạn du lịch: [khoaksdl2007@gmail.com](mailto:khoaksdl2007@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn./.

## MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU .....	0
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI VIỆT NAM.....	9
1.1. Khái niệm lễ hội .....	10
1.1.1. Hiện tượng và tên gọi .....	10
1.1.2. Những dòng tên gọi của lễ hội .....	11
1.1.3. Khái niệm lễ hội .....	11
1.2. Cơ sở ra đời và mục đích.....	15
1.2.1. Cơ sở ra đời lễ hội .....	15
1.2.2. Mục đích của lễ hội .....	16
1.3. Tính chất của lễ hội .....	20
1.3.1. Tính thời gian: tuân theo quy luật và bất quy luật .....	20
1.3.2. Tính không gian.....	21
1.3.3. Tính hình thức đối ứng của lễ hội .....	22
1.3.4. Những tính chất mang nội dung của lễ hội .....	23
1.4. Bản chất của lễ hội truyền thống Việt Nam .....	25
1.5. Các thành tố cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam .....	26
1.5.1. Hệ thống nghi lễ, nghi thức thờ cúng – tế lễ trong lễ hội.....	27
1.5.2. Tục hèm và trò diễn dân gian trong lễ hội.....	28
1.5.3. Hệ thống các trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống Việt Nam .....	31
1.5.4. Hội chợ triển lãm và văn hoá ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam .....	32
CHƯƠNG 2: CÁC LOẠI HÌNH LỄ HỘI VIỆT NAM .....	34
2.1. Mục đích phân loại .....	35
2.2. Phân loại lễ hội Việt Nam .....	35
2.2.1. Phân loại theo không gian lãnh thổ: là hình thức phân loại theo qui mô, mức độ và phạm vi ảnh hưởng, chi phối, tác động của các lễ hội .....	35
2.2.2. Phân loại lễ hội theo tôn giáo, tín ngưỡng .....	36
2.2.3. Phân loại lễ hội theo tính chất của lễ hội .....	37
2.3. Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam .....	39
2.4. Một số lễ hội tiêu biểu .....	40

2.4.1. Hội tung còn của dân tộc Tày – Nùng.....	40
2.4.2. Lễ hội xuống đồng vùng Tây Bắc .....	40
2.4.3. Lễ hội Katê của người Chăm.....	41
2.4.4. Lễ hội đâm trâu của dân tộc Bana .....	42
2.4.5. Lễ hội đua nghe ngo của người Khmer Nam Bộ .....	43
2.5. Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch.....	48
2.5.1. Tính tất yếu khách quan của du lịch lễ hội và lễ hội du lịch.....	48
2.5.2. Tác động của lễ hội đến du lịch và ngược lại.....	48

# GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**1. Tên môn học: Lễ hội Việt Nam**

**2. Mã môn học: MH16**

**3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

**3.1. Vị trí:** là môn học thuộc nhóm kiến thức chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, ngành Hướng dẫn du lịch,

**3.2. Tính chất:** là môn học lý thuyết, đánh giá kết thúc môn học bằng hình thức thi hết môn.

**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** Lễ hội Việt Nam là môn học lý thuyết thuộc nhóm kiến thức chuyên môn dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Hướng dẫn viên. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy hệ Cao đẳng tại trường Cao Đẳng Thương mại và Du lịch. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến Lễ hội Việt Nam và mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch. Qua đó, giáo trình cung cấp nội dung kiến thức vận dụng vào thực tế nghề nghiệp.

**4. Mục tiêu của môn học:**

**4.1. Về kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức tổng quát về lễ hội Việt Nam.
- Trình bày được những lễ hội tiêu biểu ở Việt Nam và ý nghĩa của lễ hội đối với hoạt động du lịch.

**4.2. Về kỹ năng:**

- Thực hiện được thuyết trình, tìm và xử lý tài liệu
- Vận dụng được các kiến thức để làm việc nhóm.
- Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

**4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Chủ động tự nghiên cứu, tự học hỏi,
- Có ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống trong các lễ hội của Việt Nam

**5. Nội dung của môn học:**

**5.1. Chương trình khung**

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận	Thi/Ki ểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng -	4	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>87</b>	<b>2055</b>	<b>766</b>	<b>1201</b>	<b>88</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>241</b>	<b>-</b>	<b>14</b>
MH07	Tổng quan du lịch	3	45	43	-	2
MH08	Tâm lý du khách và kỹ năng	2	30	28	-	2
MH09	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	28	-	2
MH10	Lịch sử VN	3	45	43	-	2
MH11	Cơ sở văn hóa VN	3	45	43	-	2
MH12	Văn hóa các dân tộc VN	2	30	28	-	2
MH13	Marketing du lịch	2	30	28	-	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>66</b>	<b>1740</b>	<b>469</b>	<b>1201</b>	<b>70</b>
MH14	Ngoại ngữ chuyên ngành du	6	90	86	-	4
MH15	Lịch sử tôn giáo	2	30	28	-	2
MH16	Lễ hội Việt Nam	2	30	28	-	2
MH17	Quản trị lữ hành	2	30	28	-	2
MH18	Di tích LS và danh thắng VN	3	45	43	-	2
MH19	Địa lý du lịch VN	3	45	43	-	2
MH20	Tuyến điểm du lịch VN	3	45	43	-	2
MH21	Pháp luật du lịch	2	30	28	-	2
MH22	Lý thuyết nghiệp vụ HDDL	6	90	86	-	4
MH23	Tổ chức sự kiện	2	30	28	-	2

MH24	Môi trường AN-AT trong du	2	30	28	-	2
MH25	Thực hành thiết kế tour du lịch	4	120	-	108	12
MH26	Thực hành hướng dẫn du lịch	6	180	-	164	16
MH27	Thực hành viết bài thuyết	3	90	-	82	8
MH28	Thực hành trên thực địa	3	90	-	82	8
MH29	Thực tập TN	17	765		765	
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn(chọn 2 trong</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>-</b>	<b>4</b>
MH30	Nghịệp vụ lễ hành	2	30	28	-	2
MH31	Nghịệp vụ nhà hàng	2	30	28	-	2
MH32	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	-	2
MH33	Nghịệp vụ lưu trú	2	30	28	-	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>2490</b>	<b>923</b>	<b>1456</b>	<b>111</b>

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương 1. Tổng quan về lễ hội Việt Nam</b>	<b>10</b>	<b>10</b>		
	1. Khái niệm lễ hội	1	1		
	2. Cơ sở ra đời và mục đích	1	1		
	3. Tính chất của lễ hội	2	2		
	4. Bản chất của lễ hội truyền thống Việt Nam	2	2		
	5. Các thành tố cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam	4	4		
2	<b>Chương 2. Các loại hình lễ hội Việt Nam</b>	<b>20</b>	<b>18</b>		<b>2</b>
	1. Mục đích phân loại	2	2		
	2. Phân loại lễ hội Việt Nam	2	2		
	3. Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam	4	4		
	4. Một số lễ hội tiêu biểu	4	4		
	5. Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch	2	2		
	Kiểm tra	2			2
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>		<b>2</b>

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projeter, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về Lễ hội Việt Nam

## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng Thương mại & Du lịch Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ban hành ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Quy chế Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, tín chỉ của Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-CĐTMDL ngày 01/6/2022 và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học/Modun trong chương trình đào tạo.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

#### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/Báo cáo	Sau 6 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	Sau 28 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ



### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

**8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng Cao đẳng Hướng dẫn du lịch

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

\* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

\* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

\* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

#### 8.2.2. Đối với người học:

Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:  
- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Tài liệu tham khảo:

- Dương Văn Sáu, Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch, Trường ĐH Văn hoá Hà Nội, 2004.

- Lê Trung Vũ, Lễ hội Việt Nam, Nxb Văn hoá thông tin, 2013

- Ngô Thị Kim Doan, Những lễ hội Việt Nam tiêu biểu, Nxb Văn hoá thông tin, 2000

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI VIỆT NAM

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương này giới thiệu khái quát chung những nội dung cơ bản về khái niệm, sự ra đời, tính chất, bản chất của lễ hội, các thành tố cơ bản của lễ hội Việt Nam

### MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

#### ➤ Về kiến thức:

- Trình bày và giải thích được khái niệm, sự ra đời, tính chất, bản chất của lễ hội
- Trình bày được các thành tố cơ bản của lễ hội Việt Nam

#### ➤ Về kỹ năng:

- Xác định được các thành tố cơ bản của lễ hội Việt Nam
- Vận dụng các kiến thức đã học phân tích được các tính chất bản chất của lễ hội

#### ➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được vị trí, vai trò của lễ hội trong đời sống tinh thần người Việt
- Rèn luyện ý thức giữ gìn, bảo lưu và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

### ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề, thực hành); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của người dạy*

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

#### - Nội dung:

- ✓ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- ✓ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- **Phương pháp:**

- ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra (hình thức: vấn đáp)
- ✓ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** Không

❖ **NỘI DUNG CHƯƠNG 1**

**1.1. Khái niệm lễ hội**

**1.1.1. Hiện tượng và tên gọi**

Hàng năm, trên nhiều vùng khác nhau của các khu dân cư trong lãnh thổ đất nước Việt Nam vào những thời điểm nhất định thường diễn ra các hoạt động như: Tổ chức cho nhân dân treo cờ Tổ quốc và cờ hội ở các khu trung tâm văn hoá công cộng của các địa phương, tiến hành các nghi thức, nghi lễ trọng thể, trang nghiêm, tôn kính như cúng bái, tế lễ, rước sách theo phong tục tập quán truyền thống... Đây là những hoạt động văn hoá xã hội mang tính tập thể cao, thu hút sự quan tâm và tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân ở các địa phương trong cả nước.

Ngoài ra cũng trong những dịp này, các địa phương còn tổ chức các trò chơi dân gian, trình diễn, thi đấu thể thao, các hình thức diễn xướng dân gian trong đó có các *tục hèm*, các hoạt động vui chơi giải trí, biểu diễn nghệ thuật, giao lưu văn hoá nghệ thuật bao gồm việc biểu diễn dân ca, âm nhạc, sử thi, múa, sân khấu, trò nhại, giả trang, trình diễn thời trang, thi và trình diễn người đẹp, hát đối... đặc biệt phong phú và đa dạng cả về nội dung và hình thức thể hiện, thu hút sự quan tâm, tham dự của nhiều người. Các cơ quan, đoàn thể, các cấp ban ngành ở địa phương tiến hành các hoạt động tham quan, thăm viếng, giao lưu và tìm hiểu lẫn nhau giữa các cá nhân và tập thể trên 1 địa bàn nhất định. Đây cũng là dịp diễn ra các hoạt động hội chợ triển lãm, tổ chức quảng bá thông tin, trưng bày, mua bán, trao đổi hàng hoá, sản phẩm, ký kết các hợp đồng kinh tế – thương mại – dịch vụ.

Quá trình diễn ra các hoạt động lễ hội đồng thời với việc tổ chức các hoạt động văn hoá âm thực diễn ra ở các gia đình, ở những nơi tế lễ công cộng, những địa điểm có đông đảo quần chúng tham gia nhằm những mục đích khác nhau thể hiện 1 phần đời sống văn hoá cộng đồng ở các địa phương. Nó hình thành trong quá khứ lịch sử, luôn được nhân dân nuôi dưỡng và phát triển, trở thành 1 thành tố đặc biệt quan trọng trong kho tàng di sản văn hoá dân tộc.

\* Hiện tượng: Đông vui, có các trò chơi, đám rước, màu sắc, mùi vị, nghi lễ linh thiêng, các cuộc thi, biểu diễn nghệ thuật.....

\* Tập trung: - Không gian: làng quê, thành phố, tại 1 di tích hay quần thể di tích

- Thời gian: xuân thu nhị kì, nông nhàn, những dịp đặc biệt (VD: hội hát chèo ở Tân Hội, Đan Phượng, Hà Tây cũ cứ 25 năm được tổ chức một lần)

- \* Người tham gia: không phân biệt tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, địa vị...
- \* Mang tính phổ quát (lan toả)
- \* Quảng bá văn hoá bản địa

### 1.1.2. Những dòng tên gọi của lễ hội

Những hoạt động văn hoá xã hội kể trên, mỗi nơi, mỗi người lại có những cách tiếp cận khác nhau và gọi bằng những tên gọi khác nhau. Tựu chung có thể kể đến hai dòng tên gọi như sau:

Dòng tên gọi dân gian	Dòng tên gọi theo các nhà nghiên cứu
Trò	Lễ hội
Hội	Hội lễ
Đám xứ	Lễ hội cổ truyền
Tiệc làng	Lễ hội dân gian
Việc làng	Lễ hội truyền thống
Hội làng	Lễ hội dân gian truyền thống
Làng vào đám	Liên hoan du lịch làng nghề truyền thống
Làng mở hội	Ngày hội văn hoá thể thao các dân tộc...
Hội hè đình đám	Lễ hội văn hoá - thể thao - du lịch
	Liên hoan du lịch quốc tế...
	Lễ hội du lịch
	Festival...

⇒ Tên gọi chung nhất: Lễ hội *truyền thống*

trong đó chia thành 2 dòng: - Lễ hội dân gian ( từ 1945 về trước )

- Lễ hội hiện đại ( sau 1945 )

Những tên gọi dân gian dùng nhiều từ “làng” trong các cụm từ nói về lễ hội, bởi vì hoạt động lễ hội truyền thống về cơ bản mang tính chất là những “hội làng”, tổ chức ở làng, do dân làng tiến hành và để phục vụ đại đa số quần chúng là nhân dân. Theo thông lệ và thói quen, người dân gọi các hoạt động đó là “hội” và gắn với nó 1 địa danh nào đó, 1 di tích của địa phương tạo thành tên của lễ hội, như hội Chùa Hương, hội Phù Đổng, hội Đền Hùng; Hoặc tên lễ hội gắn với nội dung cơ bản, các sinh hoạt văn hoá đặc sắc, tục hèm hay các hình thức diễn xướng dân gian diễn ra trong hội: hội Lim quan họ (13-15/1 âm lịch), hội Rung bắt chạch trong chum ở Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc (6/1 âm lịch)...

### 1.1.3. Khái niệm lễ hội

### 1.1.3.1. Hệ thống khái niệm trong lễ hội

#### \* Khái niệm Lễ và nghi lễ

+ Chính là những khuôn mẫu của người xưa đã quy định, những phép tắc buộc phải tôn trọng, tuân theo trong các mối quan hệ xã hội

+ Là những quy định thành văn hay bất thành văn trong mối quan hệ giữa người với người

+ Là những phép tắc được hình thành và củng cố theo thời gian để đảm bảo cho 1 xã hội hay tổ chức giữ được trật tự, kỉ cương. Dưới thời phong kiến, những quy định đó chứa đựng việc hành xử của con người từ các việc “ quan – hôn – tang – tế ” đến đi, đứng, nói, năng của con người ta, là sự ứng xử của con người trong “ nghi lễ vòng đời”

- Quan: lễ đội mũ cho con trai 20 tuổi ( lễ trưởng thành, lễ thành đinh, lễ gia quan) công nhận chàng trai đã trưởng thành với tư cách 1 công dân của xã hội

- Hôn: hôn nhân – là những nghi lễ, nghi thức cưới hỏi của con người

- Tang: Những nghi thức liên quan đến sự ra đi của con người, những tập tục trong tang ma được tiến hành mỗi khi gia đình, dòng tộc có người thân mất

- Tế: những nghi thức được tiến hành khi cúng tế, lễ tế thần, cúng Phật, thờ cúng tổ tiên trong gia đình hay ở những nơi thờ tự công cộng

+ Lễ chính là phong hoá của quốc gia, dân tộc, là những biểu hiện trong thuần phong mỹ tục, lối sống và nếp sống, tập tục, tập quán hình thành thường xuyên liên tục theo thời gian, được kiểm nghiệm, củng cố và sửa đổi theo thời gian

+ Theo Nho giáo, lễ là trật tự của trời cần phải có và không thể đảo ngược  
- “ Lễ nghĩa thiên chi tự”

+ Lễ và nghi lễ là phương cách ứng xử giữa người và thần trong mối quan hệ “ Người – Thần” vốn luôn tồn tại trong tâm thức và hành động của mọi người, mọi thời đại

+ Lễ và nghi lễ là khuôn mẫu thành văn hay bất thành văn thể hiện sự phát triển của 1 xã hội trong mối tương quan lịch sử. Dựa vào lễ hay nghi lễ có thể hiểu 1 phần đời sống hiện tại. Đồng thời lễ và nghi lễ thể hiện sự tôn kính, thái độ ứng xử văn hoá của cá nhân với đồng loại nhằm phòng ngừa những hành vi và tình cảm không chính đáng.

+ Lễ tạo điều kiện hình thành nhân cách đồng thời là phương tiện để cá nhân tự sửa mình, điều chỉnh mình cho đúng mực và hoàn thiện hơn. Những biểu hiện của lễ bao giờ cũng tương xứng với tuổi tác, vị thế, vai trò của 1 con người trong gia đình và xã hội

+ Nghi lễ là những nghi thức nhằm:

- Xua đuổi và chào đón

- Tung hô và tụng niệm

- Hứa hẹn và xin xỏ

- Cảm tạ và hẹn hò

} của Người dành cho Thần

=> Nghi lễ là những nghi thức tiến hành theo những qui tắc, luật tục nhất định mang tính biểu trưng để đánh dấu, kỉ niệm 1 sự kiện, nhân vật nào đó nhằm mục đích cảm tạ, tôn vinh, ước nguyện về sự kiện, nhân vật đó với mong muốn nhận được sự may mắn, tốt lành, nhận được sự giúp đỡ từ những đối tượng siêu hình mà người ta thờ cúng

+ 1 số lễ chính trong năm

1. Lễ sóc: ngày mùng 1 đầu tháng âm lịch
2. Lễ vọng: ngày 15 giữa tháng âm lịch
3. Lễ khai hạ: mùng 7/ giêng âm lịch
4. Lễ khai ân: mùng 7/ giêng âm lịch
5. Lễ thượng nguyên: 15/ giêng âm lịch
6. Lễ xuân tế: ngày Đinh đầu tháng 2 âm lịch, tế ở các văn miếu
7. Tết thanh minh: 15 ngày sau Xuân phân, tổ chức tảo mộ
8. Tết hàn thực: 3/3 âm lịch
9. Lễ kỳ an: tổ chức dịp cuối xuân, đầu hạ
10. Lễ Hạ điền: vào dịp xuống đồng, câu “phong điều, vũ thuận”
11. Lễ trùng ngũ – tết Đoan ngọ: 5/5 âm lịch
12. Tết Trung nguyên: 15/7 âm lịch
13. Thu tế: ngày Đinh đầu tháng 8 âm lịch, tế ở các văn miếu
14. Tết Trung thu: 15/8 âm lịch
15. Lễ Thượng điền: cấy xong, lúa bắt đầu trở đồng
16. Lễ cơm mới (lễ thường tân): tháng 9 âm lịch
17. Lễ Trùng cửu: 9/9 âm lịch
18. Lễ Trùng thập: 10/10 âm lịch
19. Lễ Hạ nguyên: 15/10 âm lịch
20. Lễ Lạp tiết: 2/12 âm lịch
21. Lễ Táo quân: 23/12 âm lịch

\* Khái niệm Hội

- Hội là tập hợp người có chung những chỉ số cơ bản về giới tính, tuổi tác, địa vị, nghề nghiệp

- Hội trong lễ hội cũng là 1 tập hợp người nhưng không hẳn có chung những chỉ số mà là 1 tổ hợp những sinh hoạt văn hoá mang tính cộng đồng

- Hội trong lễ hội là tổ hợp các hoạt động dành cho khách dự hội, vui chơi và thẩm nhận những giá trị văn hoá thông qua các trò chơi dân gian

- Hội là chiếc “phong vũ biểu” để đo đời sống chính trị – kinh tế – xã hội của địa phương và đất nước ở thời điểm diễn ra lễ hội. Thông qua lễ hội có thể tìm thấy những biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, những đặc trưng của văn hoá dân tộc, những bản sắc độc đáo của văn hóa vùng miền

- Hội thể hiện khát vọng sống của các tầng lớp người ở từng thời điểm lịch sử

- Hội là thứ “quyền lực tinh thần” của dân chúng nhằm tác động đến chính thể cầm quyền đương thời

=> Hội là tập hợp những hoạt động kinh tế, văn hoá - xã hội của 1 cộng đồng dân cư nhất định, là cuộc vui tổ chức cho đông đảo người dự theo phong tục truyền thống hoặc nhân những dịp đặc biệt. Những hoạt động diễn ra trong hội phản ánh điều kiện, khả năng và trình độ phát triển của địa phương, đất nước ở vào thời điểm diễn ra các sự kiện đó

\* Khái niệm Hội chợ triển lãm

- Là dịp trao đổi hàng hoá ở mức độ thấp dưới thời phong kiến

- Là dịp duy nhất để xoá bỏ tình trạng tự cung tự cấp ở làng xã dưới thời phong kiến

- Là hoạt động kinh tế đa dạng dưới nền kinh tế thị trường nhưng vẫn mang sắc thái văn hoá, bản sắc văn hoá vùng miền

- Là dịp để cung cấp nguồn nhân lực, sức lao động cho xã hội trong nền kinh tế thị trường

=> Hội chợ triển lãm là các hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội; tổ chức trưng bày, giới thiệu, bán hoặc tiêu thụ sản phẩm hoặc thi các sản phẩm hàng hoá, các thành tựu khoa học kỹ thuật của quốc gia và quốc tế; trao đổi, kí kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, các hội chợ việc làm cung cấp nguồn nhân lực đa dạng về chất lượng và chủng loại cho các ngành của nền kinh tế...

### 1.1.3.2. Khái niệm lễ hội

- Là sinh hoạt văn hoá dân gian nguyên hợp mang tính cộng đồng cao của các tầng lớp nhân dân, diễn ra trong những chu kỳ về không gian và thời gian nhất định

- Là sự gắn kết không thể tách rời về cả nội dung và hình thức của hai thành tố cơ bản là Lễ và Hội. Ngoài ra còn bao gồm 1 số thành tố khác: hệ thống các tục hèm, các trò diễn dân gian, hoạt động hội chợ triển lãm và văn hoá ẩm thực...

- Lễ hội chính là biểu hiện đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn của dân tộc”, thể hiện cách ứng xử văn hoá với thiên nhiên, thần thánh, con người thông qua các hoạt động diễn ra trong lễ hội. Đó là những ứng xử của tập thể, của cộng đồng cư dân với cả hai đối tượng: siêu hình (thần thánh) và hữu hình (con người)

- Lễ hội phản ánh mối quan hệ giao thoa giữa siêu và thực, giữa con người với con người trong những hoàn cảnh và hoạt động cụ thể

*Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng diễn ra trên 1 địa bàn dân cư trong thời gian và không gian xác định; nhằm nhắc lại 1 sự kiện, nhân vật lịch sử hay huyền thoại; đồng thời là dịp để biểu hiện cách ứng xử văn hoá của con người với thiên nhiên – thần thánh và con người trong xã hội*

## **1.2. Cơ sở ra đời và mục đích**

### **1.2.1. Cơ sở ra đời lễ hội**

#### **1.2.1.1. Do phong tục tập quán, truyền thống của các địa phương**

Những phong tục tập quán được hình thành từ bao đời, chung đúc qua bao thế hệ và được truyền lại cho các thế hệ kế tiếp, luôn thể hiện 1 phần đạo lý “uống nước nhớ nguồn - ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các lễ hội truyền thống Việt Nam. Trong dân gian có câu “Trông làng nào làng ấy đánh – Thánh làng nào làng ấy thờ” điều này vừa phản ánh, thể hiện yếu tố bản địa, mang tính địa phương, vừa tạo ra sự phong phú đa dạng của bức tranh văn hoá dân tộc. Những lễ hội dân gian diễn ra ở các làng xã thường gắn với kỷ niệm ngày xinh, ngày hoá Thần Thành hoàng làng – thần bản mệnh của địa phương. Cho nên, lệ làng – phép nước đã góp phần hình thành các lễ hội truyền thống. Lễ hội bắt nguồn từ trong cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu của người dân, đồng thời thể hiện sự phong phú đa dạng trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng của 1 số bộ phận dân cư trên 1 địa bàn cụ thể.

Phong tục tập quán của mỗi vùng, miền là yếu tố quyết định việc tồn tại và phát triển lễ hội truyền thống ở các địa phương. Nó phản ánh và thể hiện đặc sắc của bản sắc văn hoá dân tộc của các địa phương vùng miền trong 1 lãnh thổ quốc gia thống nhất. Chính điều đó thể hiện văn hoá Việt Nam là 1 nền văn hoá “thống nhất trong đa dạng”, nó được hình thành bởi sự góp mặt của văn hoá 54 dân tộc anh em. Những phong tục tập quán của các địa phương, dân tộc vô cùng phong phú, đa dạng, mang sắc thái riêng tạo nên nét bản sắc của văn hoá. Có thể nói, lễ hội ra đời trong lịch sử, tồn tại và vận hành cùng lịch sử, góp phần hình thành truyền thống, hình thành những thuần phong mỹ tục, tập quán, lối sống, nếp sống ở các địa bàn dân cư.

#### **1.2.1.2. Do quy định của thể chế chính trị – xã hội đương thời**

Là 1 hoạt động văn hoá, lễ hội ra đời, tồn tại và phát triển trong 1 môi trường xã hội nhất định. Trong tong thời điểm của lịch sử, môi trường xã hội nào cũng gắn với thể chế chính trị cầm quyền của giai đoạn đó. Do lễ hội là hoạt động văn hoá có tác động và ảnh hưởng sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân nên các chính thể cầm quyền đều sử dụng nó như là 1 “công cụ văn hoá đa năng” để phục vụ những mục đích quản lí, duy trì và điều hành hoạt động của đất nước, xã hội. Vì thế, hoạt động của lễ hội diễn ra trước hết phục vụ cho mục đích trên của chính thể cầm quyền. Bên cạnh những lễ hội dân gian truyền thống, nhiều lễ hội được tổ chức nhằm chào mừng các sự kiện chính trị – quân sự – văn hoá xã hội nổi bật của từng giai đoạn, như các lễ hội chào mừng sự kiện lịch sử, đón nhận danh hiệu



thi đua, lễ kỷ niệm, đánh dấu thời gian ra đời, các thành tựu đạt được của các cá nhân, tập thể của 1 cơ quan, đơn vị v.v...

#### 1.2.1.3. Do các mục tiêu phát triển kinh tế – văn hoá - xã hội đặt ra

Là 1 thành tố văn hoá có chứa đựng các nội dung và yếu tố văn hoá, kinh tế nên lễ hội được chính thể cầm quyền sử dụng, khai thác như là 1 tác động hỗ trợ góp phần điều tiết và thúc đẩy xã hội theo những mục tiêu, định hướng phát triển của từng thời kì, giai đoạn khác nhau. Căn cứ vào tình hình xã hội, đất nước, từ thực trạng các ngành kinh tế, nhu cầu của xã hội, của cuộc sống đặt ra để tổ chức các cuộc triển lãm về thành tựu kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật như các hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, các liên hoan du lịch làng nghề truyền thống của các địa phương v.v... Mỗi 1 giai đoạn có 1 mục tiêu phát triển khác nhau, từ đó lễ hội cũng được khai thác thông qua các hình thức mang tính đặc thù để phát huy thế mạnh vốn có của loại hình văn hoá tham xã hội này.

#### 1.2.1.4. Do nhu cầu vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân trong xã hội

Nhu cầu vui chơi giải trí luôn đặt ra với con người mỗi khi có thời gian nhàn rỗi như sau thời kì lao động sản xuất có liên quan đến mùa vụ, hoặc các nghề nghiệp sản xuất khác. Người dân sau một thời gian lao động sản xuất mệt mỏi, vất vả, căng thẳng muốn nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, bù đắp năng lượng tiêu hao, thiếu hụt thông qua việc tham gia các lễ hội. Ở đó họ được bù đắp, khám phá những mới mẻ, hấp dẫn khác của đời sống văn hoá mà họ chưa có. Nhu cầu này thường xuyên, liên tục đối với con người, như là 1 tất yếu để giải tỏa những ức chế, mệt mỏi trong cuộc sống, thu nạp năng lượng để bước vào cuộc sống mới. Quá trình này chính là quá trình “tích nạp năng lượng”, là sự bổ sung điều chỉnh để tự hoàn thiện mình trong những điều kiện, hoàn cảnh mới.

### 1.2.2. Mục đích của lễ hội

Lễ hội là 1 hoạt động văn hoá cao, hoạt động văn hoá nổi trội trong đời sống của con người. Hoạt động này diễn ra với những hình thức khác nhau, nhằm mục đích phục vụ lợi ích đa dạng trước mắt và lâu dài của con người, thoả mãn những nhu cầu của các cá nhân và tập thể trong môi trường mà họ sinh sống.

#### 1.2.2.1. Là dịp tưởng nhớ, tạ ơn và “đòi hỏi” của quần chúng nhân dân đối với đối tượng mà họ thờ cúng

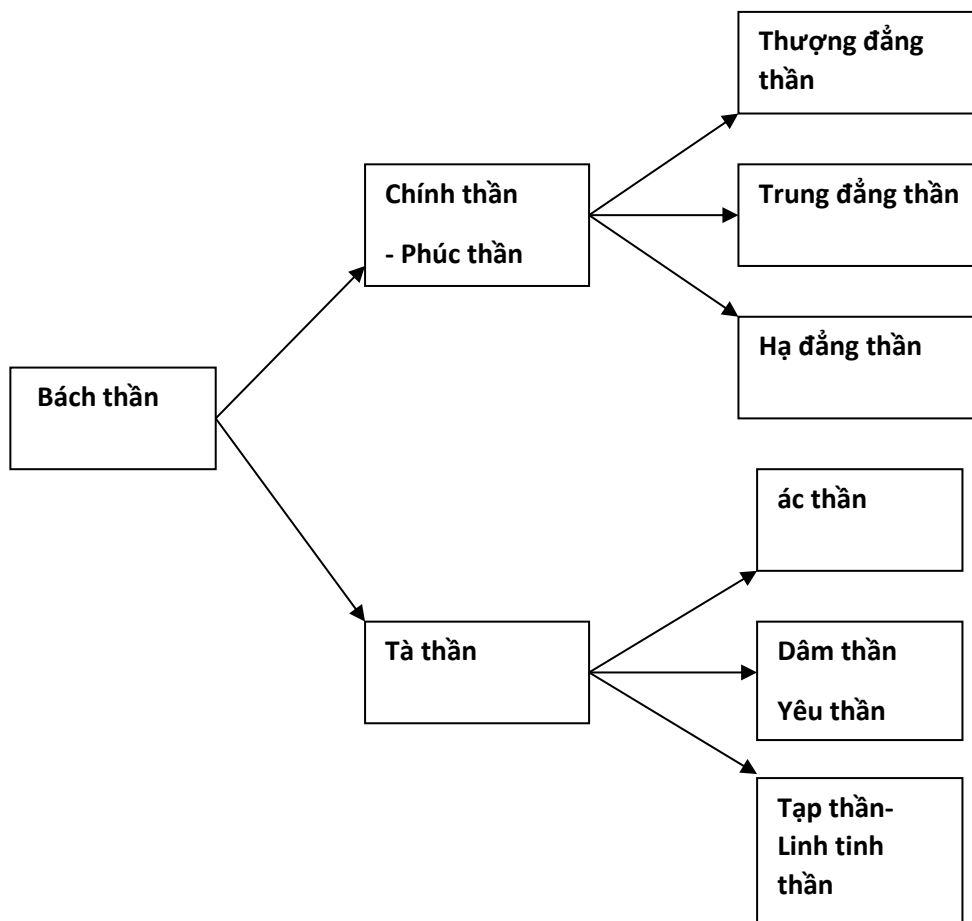
- Trong cuộc sống con người Việt Nam luôn có những quan niệm: vạn vật hữu linh, có thờ có thiêng - có kiêng có lành, chẳng thiêng ai gọi là thần....chính vì vậy trong đời sống tôn giáo người Việt Nam thờ rất nhiều các loại thần khác nhau => hoạt động của lễ hội là hình thức thể hiện nhằm giúp con người ta tưởng nhớ và tạ ơn thần thánh.

Trong quan niệm của Nho giáo và các triều đại phong kiến tập quyền chia thần thánh thành 2 loại: chính thần và tà thần, và trong tiến trình lịch sử, mỗi triều đại phong kiến Việt Nam có cách ứng xử riêng đối với các loại thần này....

Do nhiều nguyên nhân chi phối, trước hết là ở nhận thức, con người ta mỗi khi gặp rủi ro, bất trắc hoặc trước khi làm 1 việc gì, ngoài những động thái chuẩn bị, hỗ trợ về mặt thực tế, người ta thường nhờ cậy, cầu viện tới sự giúp đỡ của thần linh. Sau khi thành công họ không quên sự giúp đỡ của thánh thần, bày tỏ sự biết ơn, kính trọng của mình với thánh thần về sự che chở, bảo vệ, giúp đỡ đó thông qua các hoạt động thờ cúng, tế lễ quanh năm, đặc biệt vào các dịp lễ hội

- Đặc biệt , người dân 1 số dân tộc thiểu số, với tâm hồn mộc mạc, hồn nhiên, cụ thể của mình họ thường có hình thức giao kèo với thần linh thông qua các nghi thức trong nghi lễ với mục đích cầu thần linh giúp họ đạt được những kết quả, những thành tựu trong cuộc sống. Đó là những “giao kèo” mang tính chất “ràng buộc trách nhiệm” đối với thần linh

- Người Việt còn luôn tưởng nhớ, biết ơn và thờ cúng những người con ưu tú của dân tộc, đất nước, những danh nhân trên mọi lĩnh vực, những người có công với dân với nước... điều đó thể hiện đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn - ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của dân tộc. Ngoài vui chơi giải trí, những người đi dự hội đều mơ hồ cảm thấy và tin rằng mình thu nhận được những điều may mắn, tốt lành từ các đấng siêu nhiên vô hình mà họ tôn vinh, thờ cúng. Thứ “quyền lợi tinh thần ” đó trở thành niềm tin, động lực trợ giúp họ trong quá trình hoạt động kế tiếp, vì vậy điều đó cũng trở thành yếu tố để con người ta dù ở đâu, vị trí nào cũng không quên lễ hội, đến với lễ hội ngày 1 đông hơn.



Sơ đồ hệ thống phân vị thần Việt Nam

#### 1.2.2.2. Là dịp trở về quê hương, đánh thức cội nguồn

- Dù ở đâu, trong lễ hội nào, những hoạt động diễn ra trong lễ hội đều nhằm ôn lại quá khứ của 1 địa phương, 1 cộng đồng cư dân. Những hoạt động đó nhằm nhắc lại vai trò, công lao của thánh thần, của các bậc tiền nhân. Đó cũng là cội nguồn của tự nhiên, đất nước, xóm làng, và cội nguồn của cả hệ thống tôn giáo – tín ngưỡng truyền thống

- Hoạt động lễ hội là hoạt động văn hoá mang tính tưởng niệm hướng về những sự kiện và nhân vật lịch sử được dân chúng địa phương thờ cúng.

- Trong lễ hội truyền thống, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn - ăn quả nhớ kẻ trồng cây” được dịp thể hiện. Nó trở thành nền tảng cơ sở để giáo dục chân – thiện – mỹ cho quảng đại quần chúng nhân dân, nhắc nhở các thế hệ con cháu ôn lại truyền thống của cha ông, nhớ ơn các bậc tiền nhân đã có công với dân với nước, với địa phương quê hương mình

- Những trò diễn, tục hèm trong lễ hội nhằm thức dậy quá khứ, tái hiện lịch sử của quê hương đất nước

- Lễ hội góp phần tìm hiểu diện mạo cuộc sống của các thế hệ tổ tiên, cha anh đi trước, đồng thời cũng thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc được bảo lưu trong các tục lệ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác

#### 1.2.2.3. Góp phần giữ gìn, bảo lưu và phát triển những truyền thống tốt đẹp của quê hương dân tộc

- Thông qua hoạt động lễ hội truyền thống, các phong tục tốt đẹp của quê hương đất nước, của các thế hệ cha ông được hình thành trong lịch sử, được bảo lưu và gìn giữ 1 cách tốt nhất

- Lễ hội là dịp để cả cộng đồng dân cư bày tỏ thái độ và những “hành xử văn hoá” trong việc trân trọng và giữ gìn truyền thống, thuần phong mỹ tục. Thông qua lễ hội, những truyền thống tốt đẹp, thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán, lối sống và nếp sống... được kế thừa và phát triển phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử, tạo nền móng vững chắc cho văn hoá bản địa

- Lễ hội chính là 1 hình thức “diễn xướng dân gian” mà ở đó bảo lưu các phong tục tập quán, lối sống, nếp sống. Các nghi thức, trình tự, nội dung và các hình thức diễn xướng trong các lễ hội mang đặc trưng văn hoá dân tộc vừa hàm chứa các nét đặc sắc của yếu tố bản địa, mang sắc thái địa phương, vùng miền. Phong tục tập quán của mỗi địa phương thể hiện nhịp điệu cuộc sống xã hội, lễ hội truyền thống chính là 1 phần của nhịp điệu ấy

- Môi trường của lễ hội truyền thống Việt Nam về cơ bản chính là nông thôn, làng xã Việt Nam. Lễ hội là môi trường thuận lợi mà ở đó các yếu tố văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát triển. Những yếu tố văn hoá truyền thống đó không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, vận hành cùng tiến trình phát triển lịch sử của mỗi địa phương trong lịch sử chung của đất nước

#### 1.2.2.4. Góp phần cố kết cộng đồng và nâng cao các mối quan hệ trong xã hội

- Văn hoá lễ hội có nét chủ đạo là văn hoá cộng đồng thể hiện và biểu hiện trong mọi mặt của đời sống xã hội. Trong đó, hoạt động lễ hội thể hiện rõ nét nhất mối quan hệ giữa các cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, cộng đồng này với cộng đồng khác... Những mối quan hệ này được xác lập, củng cố, mở rộng và hoàn thiện trong suốt quá trình phát triển. Dưới chế độ cũ, lễ giáo phong kiến luôn ràng buộc con người với những lễ luật chặt chẽ, khắt khe, đặc biệt trong mối quan hệ giới tính: “nam nữ thụ thụ bất thân”. Nhưng nhu cầu, khát vọng tự do con người luôn tồn tại, đặc biệt đối với nam nữ thanh niên. Lễ hội là nơi cởi mở nhất, là dịp để cho trai gái có điều kiện để gần gũi, giao lưu, tiếp xúc tìm hiểu, quan hệ vui chơi, thổ lộ tâm tình, tìm hiểu nhau và có thể đi tới hôn nhân.

- Lễ hội đôi khi trở thành những “khoảnh khắc tự do đầy ham mê quyến rũ cuồng nhiệt” khiến cho con người tạm thời được vượt qua, giũ bỏ mọi rào cản về mặt luân lí xã hội, để được quay trở lại “buổi hồng hoang của lịch sử”, tự do trong luyến ái, là khoảnh khắc khởi nguồn của sự sống, khi phát triển lên sẽ thành Tín ngưỡng phồn thực trong nhân dân (hội chợ tình Khâu Vai – Mèo Vạc, Hà Giang ngày 27/3 âm lịch)

- Lễ hội là môi trường tái sáng tạo và phân phối văn hoá dân gian, là phương tiện trung chuyển các “gien văn hoá” nội sinh và ngoại nhập tới các thành phần cư dân khác nhau. Đây là 1 phần của quá trình giao thoa và tiếp biến văn hoá luôn diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi.

- Lễ hội là dịp để các cộng đồng cư dân giao lưu với nhau, củng cố và nâng cao các mối quan hệ. Đó là dịp giao hiếu, giao hảo giữa các địa phương với nhau. Họ đã sát cánh, chung sức với nhau khi khó khăn hoạn nạn và giờ đây họ cũng bên nhau khi hội hè... Điều đó thể hiện quan hệ “đồng cam cộng khổ – chia ngọt sẻ bùi” trong đạo lý và văn hoá Việt

- Lễ hội đã làm cho quá trình giao lưu văn hoá giữa các địa phương, vùng miền tồn tại và phát triển, đặc biệt sự giao lưu kinh tế cũng được khai thông, mở rộng và phát triển ở nhiều lễ hội trong giai đoạn hiện nay

- Tính cộng đồng và cô kết là đặc trưng cơ bản và là nét giá trị tiêu biểu của lễ hội truyền thống Việt Nam. Tính cộng đồng biểu hiện dưới nhiều cấp độ: cộng đồng gia tộc – cộng đồng làng xã, địa phương, vùng miền – cộng đồng quốc gia, quốc tế... hoặc cộng đồng theo các tổ chức tôn giáo tín ngưỡng. ở mỗi địa phương quá trình mở hội cũng là quá trình tập hợp dân chúng dưới sự che chở thống nhất của vị thần được thờ. Đây cũng là dịp để các làng xã biểu dương lực lượng và sức mạnh tập thể của mình

- Bản chất của lễ hội là 1 sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nó có điều kiện để thể hiện vai trò tập hợp và qui tụ, gắn kết và điều phối mọi tầng lớp người trong 1 không gian văn hoá vốn thuộc về cộng đồng

1.2.2.5. Là dịp vui chơi, giải trí và thu nạp năng lượng, kiếm tìm sức sống mới

- Lễ hội là những thời điểm đánh dấu mốc thời gian của quá trình kết thúc và tái sinh: kết thúc 1 chu trình sản xuất và sinh hoạt, bắt đầu 1 chu trình sản xuất và sinh hoạt mới. Đây là dịp để cho mọi người vui chơi giải trí, thu nạp năng

lượng, bù đắp những thiếu hụt trong quá trình vận động và phát triển, bắt đầu tái tạo cuộc sống mới với chất và lượng mới

- Trong lễ hội có nhiều trò chơi dành cho mọi tầng lớp dân cư vui chơi giải trí, đó chính là dịp để con người được hoà cái “tôi” bản ngã vào đời sống cộng đồng trong khung cảnh : Vui xem hát, nhạ xem bơi, tả tơi xem hội

- Lễ hội chính là thời điểm mà ở đó đông đảo các tầng lớp nhân dân dành thời gian nhàn rỗi, tiền bạc của mình cho quá trình vui chơi, giao thoa với môi trường tự nhiên và xã hội, giải toả những ức chế tâm lý nảy sinh trong công việc, trong cuộc sống thường nhật

- Mỗi kì lễ hội là dịp nghỉ ngơi sau những tháng ngày mùa vụ bận rộn, vất vả. Đây là dịp gặp gỡ, đón tiếp và giao lưu với những người bà con họ hàng, những người hàng xóm láng giềng nhưng quanh năm lam lũ “bán mặt cho đất, bán lưng cho gò”

- Đây cũng là dịp những người dân lao động được giao thoa với những người anh em, bạn hữu trong từng vùng, từng khu vực, họ được “chơi” với nhau trong những ngày hội

- Lễ hội còn là dịp cho những người con xa quê về gặp gỡ anh em, bà con, họ hàng... sau những tháng ngày bươn chải kiếm sống nơi đất khách quê người

- Với các dân tộc thiểu số, những lễ hội của đồng bào thường diễn ra ở những cánh rừng, ven suối. Trong những dịp này mọi hoạt động diễn ra trong hội khiến cho mọi người đi dự hội được tìm lại kí ức hoài niệm của chính mình tưởng đã chìm sâu trong lớp bụi thời gian. Họ đi dự hội để “1 là vui thú sơn khê , hai là đã trót lời thề với ai”

=> Có thể nói: lễ hội là *tắm tắm muôn màu. Mọi sự ở đó đều đan quyên vào nhau thiêng liêng và trần tục, nghi lễ và hồn hậu, truyền thống và phóng khoáng, của cái và khôn khéo, cô đơn đoàn kết, trí tuệ và bản năng.*

### **1.3. Tính chất của lễ hội**

#### ***1.3.1. Tính thời gian: tuân theo quy luật và bất quy luật***

Bất cứ lễ hội nào cũng phải tồn tại trong không gian và thời gian của nó, không có lễ hội phi thời gian, không gian

##### **1.3.1.1. Những lễ hội được tổ chức thường tuân theo quy luật**

- \* Xuân thu nhị kỳ
- \* Mùa vụ (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp)
- \* Theo định kỳ được hương ước quy định

Lễ hội thường diễn ra vào mùa xuân và mùa thu, “nhất niên nhất lệ” – có khi 3 đến 5 năm hoặc 30 năm/ 1lần.

Mùa xuân và mùa thu trong năm là thời điểm nông nhàn, thời điểm kết thúc và mở đầu 1mùa vụ mới của cư dân nông nghiệp, người ta mở hội để tạ ơn trời đất, thánh thần đã ban cho họ mùa vụ bội thu, đồng thời cầu xin 1mùa vụ mới

thắng lợi. Đây cũng là dịp để người dân làng xã vui chơi hưởng thụ thành quả lao động sau 1 mùa vụ vất vả

Trong Lễ hội người dân dùng những lễ vật là sản phẩm của mùa màng trên cánh đồng, ruộng vườn của họ, hoặc những sản phẩm do nghề nghiệp của họ tạo ra để dâng cúng thánh thần. Người ta gọi đó là cây nhà lá vườn, thể hiện tình cảm chân thật, mộc mạc của người dân và cầu thần thánh giúp sức cho họ được “ăn nên làm ra” và ngày càng phát triển thịnh vượng hơn

1.3.1.2. Lễ hội được tổ chức nhân sự kiện đặc biệt ( thường không tuân theo quy luật)

Những Lễ hội có liên quan đến các nhân vật và sự kiện lịch sử thì Lễ hội có thể không diễn ra theo thời gian mùa vụ mà có thể diễn ra vào thời gian bất kì trong năm, thời gian đó phụ thuộc vào ngày sinh - hoá của thần, nhân vật được thờ cúng, ngày xảy ra các sự kiện hay biến cố lịch sử

Dưới thời phong kiến, vì Lễ hội gắn với hoàng cung và triều đình nên có thể được mở vào 1 thời điểm bất kì để tổ chức mừng thọ cho vua, hoàng hậu và những người trong hoàng cung. Những Lễ hội đó thường có tên gọi là: Lễ vạn thọ (70 tuổi trở lên), Tứ tuần đại thánh (40 tuổi), Ngũ /Lục tuần đại thánh

Mỗi khi có 1 sự kiện quân sự, chính trị trọng đại, nhà nước phong kiến thường tiến hành các Lễ hội mừng chiến thắng ở kinh đô và các địa phương

Vào thời kì hiện đại, trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các sự kiện chính trị, quân sự nổi bật xảy ra mà vai trò, tác động của nó có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc đến đời sống XH đều được nhân dân các địa phương và cả nước mở hội chào mừng: Lễ hội mừng Quốc khánh 2/9, mừng chiến thắng 30/4... Những Lễ hội này có thể diễn ra vào thời gian bất kì trong năm mà thời gian đó trùng với thời gian xảy ra các sự kiện, các biến cố chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội.

### **1.3.2. Tính không gian**

Bất kì Lễ hội nào cũng phải có không gian sinh tồn của nó, đó là 1 cộng đồng cư dân - chủ nhân của Lễ hội. Dưới thời phong kiến, cư dân chủ yếu sống ở làng xã nên hầu hết Lễ hội là ở làng quê. Mỗi 1 Lễ hội có nét đặc sắc riêng biệt tổng hợp tạo thành bản sắc vùng miền

3.2.1. Lễ hội gắn với 1 địa điểm, địa phương nhất định, do người dân ở khu vực đó tổ chức và trước hết dành cho nhân dân địa phương tham nhận và hưởng thụ những giá trị và lợi ích do Lễ hội đem lại sau đó mới dành cho du khách gần xa

3.2.2. Lễ hội mang bản sắc văn hoá dân tộc vùng, miền đặc sắc

- Chủ nhân của Lễ hội chính là nhân dân, họ là người sáng tạo và nuôi dưỡng, tổ chức lễ hội. Không có nhân dân, lễ hội không có cơ sở ra đời và tồn tại, Mỗi lễ hội đều gắn với đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của cư dân nơi đó. Ra đời, tồn tại và phát triển trong nhân dân, do vậy lễ hội bao giờ cũng mang bản sắc văn hoá dân tộc, vùng miền đặc sắc (lễ hội chọi trâu Đồ Sơn)

- Mỗi 1 địa phương có 1 tục lệ riêng, những tục lệ này chính là 1 phần của kho tàng bản sắc văn hoá truyền thống. Thông qua việc tìm hiểu tục lệ sẽ làm sáng rõ 1 phần lịch sử của địa phương trong tiến trình lịch sử. Dưới góc độ này, lễ hội chính là nơi góp phần giữ gìn truyền thống lịch sử

1.3.2.3. Không gian trung tâm của lễ hội thường gắn với các công trình di tích lịch sử văn hoá nhất định

Ở mỗi địa phương, không gian trung tâm của lễ hội truyền thống thường gắn với các công trình Di tích lịch sử nơi đó. Đó là không gian thiêng thường diễn ra ở trong khuôn viên những đình - đền – chùa – miếu – từ đường – lăng tẩm... Trong đó hầu hết các lễ hội làng thường diễn ra ở đình làng. Đây là 1 trong những công trình công cộng quan trọng nhất ở làng xã, nơi được coi là trung tâm hành chính – 1 “tiểu triều đình” nơi miền thôn dã, đồng thời là trung tâm tôn giáo tín ngưỡng, nơi thờ thần Thành hoàng làng, người cha tinh thần, vị thần bản mệnh của làng xã dưới thời phong kiến. Ngôi đình còn là trung tâm văn hoá xã hội, trung tâm văn hoá ẩm thực của nông thôn làng xã VIỆT NAM thời kì trước đây

Hệ thống di tích là những địa điểm mở hội, địa điểm đó thường diễn ra ở những vị trí sau:

- Nơi trước đây đã diễn ra 1 hay nhiều sự kiện lịch sử mà hệ quả của nó tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống của cư dân địa phương hay của cả quốc gia, dân tộc

- Nơi thờ tự các nhân vật lịch sử hay huyền thoại mà những nhân vật này có vai trò quan trọng, ảnh hưởng to lớn trong đời sống xã hội, trong sự phát triển của địa phương hay toàn xã hội. Không những thế nhân vật đó còn có ảnh hưởng đến đời sống văn hoá tinh thần, tôn giáo tín ngưỡng của 1 bộ phận nhân dân. Họ trở thành những anh hùng dân tộc, anh hùng văn hoá trong đời sống nhân dân, được nhân dân biết ơn, thờ phụng. Những nhân vật đó được cả cộng đồng cúng tế trọng thể với qui mô và mức độ khác nhau trong các lễ hội truyền thống của địa phương. ở các địa phương đó, lễ hội bao giờ cũng diễn ra trong không gian thần điện và phạm vi ảnh hưởng chi phối của thần điện đó. Tâm điểm của lễ hội chính là thần điện, nơi thờ cúng 1 nhân vật, thánh thần nào đó

- Còn những lễ hội hiện đại thường diễn ra ở các thành phố lớn, các trung tâm đô thị, trung tâm hành chính, chính trị văn hoá xã hội của các địa phương và đặc biệt thường diễn ra với qui mô lớn, hoành tráng. Lễ hội hiện đại còn thường diễn ra ở chính những nơi đã từng diễn ra các sự kiện chính trị, quân sự nổi bật mà hệ quả của nó có tác động ảnh hưởng sâu sắc, mạnh mẽ đến đời sống xã hội, làm thay đổi cục diện xã hội, góp phần quyết định tiến trình phát triển của lịch sử của 1 địa phương hay cả quốc gia, dân tộc. Nó trở thành những cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc

### ***1.3.3. Tính hình thức đối ứng của lễ hội***

1.3.3.1. Thể hiện mối quan hệ ứng xử giữa con người – thế giới thần linh, các thể lực siêu nhiên, đó là các Thần thánh. Đây là các đối tượng thờ cúng phổ biến ở tất cả các địa phương, khu vực

- Lễ hội còn là sự thể hiện mối quan hệ ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ở nơi họ sinh sống. Mối quan hệ ứng xử này thể hiện bằng các hình thức khác nhau, có hình thức mang nặng yếu tố thiêng liêng, có hình thức mang nặng yếu tố đời thường

1.3.3.2. Thể hiện tính mở - đóng chặt chẽ trong quá trình khai hội – trải hội – bế hội

Bất cứ lễ hội nào cũng diễn ra các quá trình khai hội, trải hội, bế hội với những nguyên tắc nhất định. Những nguyên tắc này được thể hiện, cụ thể hoá bằng hệ thống văn bản, văn kiện, thư tịch như hệ thống hương ước, những phép tắc, những luật tục được qui định thành văn hoặc bất thành văn phản ánh qua những phong tục tập quán truyền thống, lối sống, nếp sống,...

1.3.3.3. Thể hiện qua hoạt động diễn xướng dân gian diễn ra trong lễ hội

Diễn xướng dân gian là các hình thái sinh hoạt văn nghệ của nhân dân, do chính họ sáng tạo nên, không bị ảnh hưởng và chi phối của các triều đình phong kiến trong lịch sử hay sự chỉ đạo của nhà nước và các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp ngày nay. Trong các hình thức diễn xướng dân gian, lễ hội chính là sự thể hiện các hình thức đối ứng giữa con người với con người thông qua các hoạt động mang tính tập thể: biểu diễn nghệ thuật, vui chơi giải trí, tổ chức thi tài

=> Xét về nội dung và hình thức thể hiện, sự đối ứng của Lễ và Hội thể hiện qua các yếu tố sau:

STT	Lễ	Hội
1	Thiên	Tục
2	Tĩnh	Động
3	Đạo	Đời
4	Biểu trưng	Cụ thể
5	Chung	Riêng
6	Mục đích	Khát vọng
7	Thần thánh	Chúng dân
8	Đại diện	Toàn thể
9	Bắt buộc	Tùy thuộc

### **1.3.4. Những tính chất mang nội dung của lễ hội**

1.3.4.1. Tính tưởng niệm

Lễ hội trước hết mang tính tưởng niệm các bậc tiền nhân: tưởng niệm về những anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, lịch sử, những người có công với



dân với nước. Với người dân ở các làng xã nông thôn VIỆT NAM, vị thần cơ bản được nhân dân thờ phụng là các vị thần Thành hoàng làng, đây được coi là vị thần bản mệnh làng xã

#### 1.3.4.2. Tính cộng đồng

Nội dung của bất cứ lễ hội truyền thống nào cũng mang tính cộng đồng cao, trong đó chứa đựng cả cộng cảm và cộng mệnh. Cộng cảm là sự thể hiện có chung thái độ, tình cảm của các cá nhân và cả tập thể trong ứng xử văn hoá với tự nhiên – thần thánh và con người. Cộng mệnh là sự thờ phụng, mong ước và đón nhận ân điển của Thánh thần ban cho các cá nhân và tập thể của cả cộng đồng ấy.

Tính cộng đồng của lễ hội còn được gọi là tính quần thể, thể hiện ở số người rất đông tham dự các hoạt động của lễ hội với đầy đủ các tầng lớp người trong xã hội ở tại địa phương và từ các địa phương khác tới tham dự lễ hội. Có thể khẳng định: không có tính cộng đồng – quần thể, không trở thành và không tạo nên lễ hội

Tính quần thể trong lễ hội thể hiện trong các câu lưu truyền qua bao đời: đông như hội; vui xem hát, nhạ xem bơi, tả toi xem hội.....

Trong lễ hội bao giờ cũng thấm đượm tinh thần dân chủ và nhân bản sâu sắc, dù là người tổ chức hay người tham dự lễ hội hoặc cương vị nào khác cũng đều bình đẳng trước thánh thần và bình đẳng với nhau trong tư cách người tham gia, người chủ chịu trách nhiệm với chính mình trước những hoạt động xã hội hay các hoạt động tâm linh của mình. Xét dưới góc độ này lễ hội truyền thống VIỆT NAM vừa có tính chất giải trí vừa có tính chất tín ngưỡng, nó thể hiện 2 mối quan hệ đối ứng của con người: mối quan hệ với người và mối quan hệ với thần. Dung lượng giải trí và tín ngưỡng nhiều hay ít là tùy thuộc vào tính chất của từng lễ hội, phụ thuộc vào tính chất của nhân vật hay sự kiện thờ cúng. Ngoài ra chúng còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện của từng địa phương về mọi mặt ở vào thời điểm trước và trong khi mở hội

#### 1.3.4.3. Tính hoành tráng

Trong các lễ hội, mọi hoạt động diễn ra dù với quy mô như thế nào đều thể hiện tính hoành tráng. Đây cũng là đặc điểm nổi bật của lễ hội truyền thống VIỆT NAM, bởi lễ hội là 1 hoạt động văn hoá tập thể, phản ánh tâm sức, tài nghệ của cả cộng đồng người, phục vụ mọi người. Do vậy nó luôn diễn ra trong 1 không gian và thời gian lớn hơn, vượt ra ngoài không gian và thời gian thường nhật của địa phương đó

Tính hoành tráng thể hiện qua quy mô, trình tự của các hoạt động trong lễ hội, như các buổi tế, lễ, rước, các hoạt động văn hoá diễn ra trong thời gian và không gian lễ hội. 1 trong những mục đích của lễ hội là biểu dương và tôn vinh do vậy tính hoành tráng của lễ hội chính là nhằm mục đích biểu dương và tôn vinh ấy

#### 1.3.4.4. Những tính chất khác

Trong lễ hội, những hoạt động diễn ra bao giờ cũng thể hiện tính tập trung triệt để và phổ quát rộng rãi. Đến với lễ hội, con người không chỉ có ước vọng giao cảm, giao hoà với siêu nhiên – tự nhiên mà hơn hết họ muốn giao hoà và hội

nhập với đồng loại. Sự giao lưu đó vừa mang tính tập trung (hướng nội), vừa mang tính lan toả (hướng ngoại). Các hoạt động diễn ra trong lễ hội thể hiện tính duy lý chặt chẽ, duy tình nhân bản và duy linh sâu sắc. Người Việt vốn có lòng nhân ái, bao dung ngay cả với kẻ thù của mình. Điều đó thể hiện rõ qua việc thờ cúng của nhân dân tại các di tích và lễ hội như lễ hội giỗ trận Đống Đa....

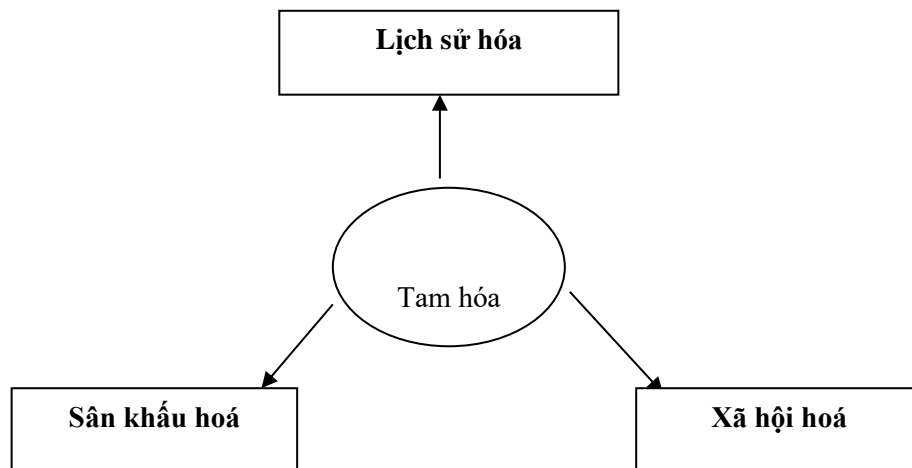
Lễ hội truyền thống là 1 giá trị văn hoá lớn trong đời sống truyền thống và hiện đại của dân tộc. Đương nhiên trong đó luôn chứa đựng những giá trị văn hoá tiêu biểu và là 1 hiện tượng văn hoá mang tính trội. Lễ hội trước hết mang tính tự quản đồng thời thể hiện tinh thần dân chủ, nội dung nhân bản.. đó chính là những giá trị văn hoá mà bất kì lễ hội nào cũng đều hàm chứa

Bên cạnh những tính chất thể hiện nội dung kể trên, lễ hội còn thể hiện tính biểu dương và hiệu triệu quần chúng nhân dân: Đây chính là hệ quả của các nội dung kể trên. lễ hội chính là dịp thể hiện sức mạnh cộng đồng trên đầy đủ các bình diện. Mọi hoạt động diễn ra trong lễ hội đều thể hiện tính cố kết cộng đồng, mang tính biểu trưng nhằm mục đích biểu dương, kêu gọi, tập hợp quần chúng nhân dân trong 1 vòng tay lớn, bày tỏ và thể hiện tình thân ái, bao dung qua những câu tục ngữ, ca dao, dân ca hình thành và lưu truyền trong đời sống nhân dân.....

Nhìn chung, nội dung và bản chất của các lễ hội truyền thống Việt Nam đều thể hiện mục đích hướng thiện-cầu an

#### 1.4. Bản chất của lễ hội truyền thống Việt Nam

Bản chất của lễ hội truyền thống Việt Nam ( LỄ HỘI TT VIỆT NAM)



*Mô hình bản chất của LỄ HỘI TT Việt Nam*

##### 1.4.1. LỄ HỘI TT VIỆT NAM là kết quả của quá trình “ lịch sử hoá” quá khứ và hiện tại

- LỄ HỘI TT phản ánh các sự kiện lịch sử của địa phương, đất nước thông qua việc tái hiện các nhân vật, các sự kiện:
- LỄ HỘI TT phản ánh các sự kiện quân sự, chính trị đặc biệt quan trọng; những sự kiện đó có tác động, ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của xã hội và đất nước
- Thông qua những hoạt động diễn ra trong lễ hội, hình ảnh về những anh hùng,

danh nhân của đất nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong lịch sử được tái hiện lại

- LỄ HỘI TT là những biểu hiện và thể hiện của hai quá trình: lịch sử hoá và huyền thoại hoá

### 1.4.2. LỄ HỘI TT VIỆT NAM là kết quả của quá trình “sân khấu hoá” đời sống xã hội

- Lễ hội là sự mô phỏng, tái hiện lại hình ảnh các nhân vật, các sự kiện lịch sử đã diễn ra trong quá khứ thông qua các hình thức diễn xướng dân gian, các trò diễn dân gian

- Lễ hội đã xây dựng hình tượng nhân vật, danh nhân lịch sử, văn hoá theo và bằng nhãn quan thời cuộc hiện tại

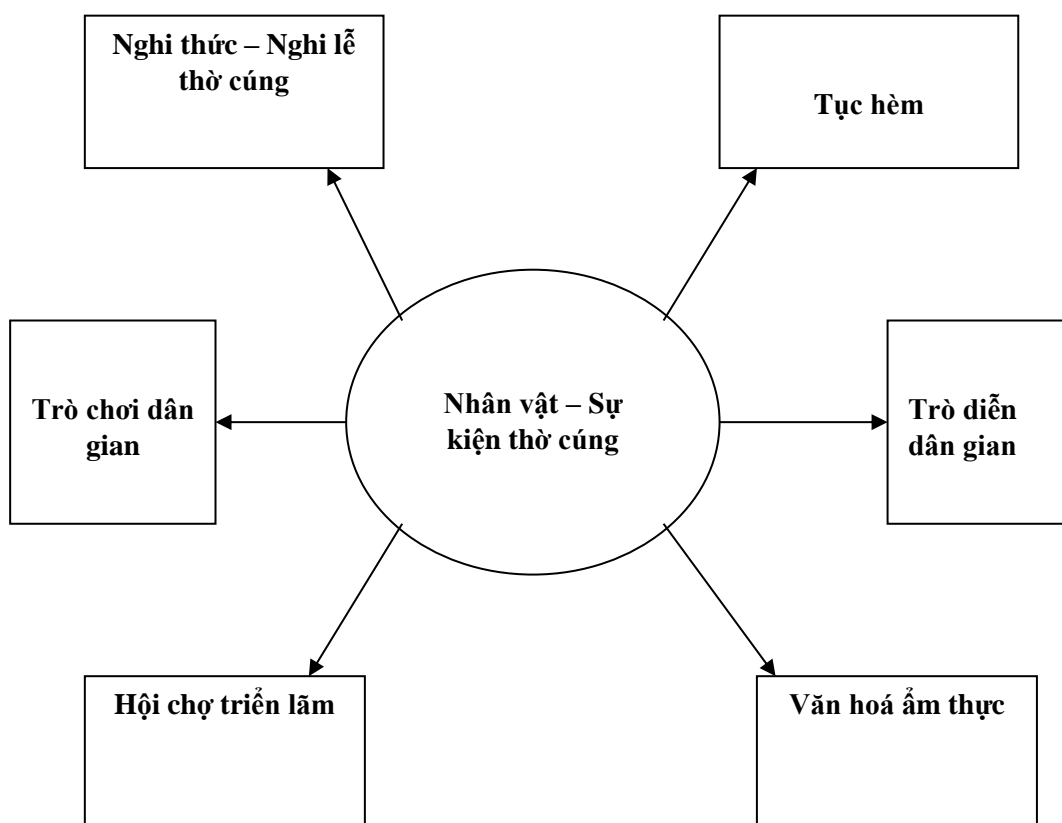
### 1.4.3. LỄ HỘI TT VIỆT NAM là kết quả của quá trình “xã hội hoá” trong tiến trình lịch sử

- Lễ hội là 1 hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng, là hoạt động của con người mang tính xã hội hoá cao

- Lễ hội chính là chiếc “*phong vũ biểu*” để đo diễn biến, biến đổi của đời sống xã hội, của môi trường sống của con người

## 1.5. Các thành tố cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam

Các thành tố cơ bản của LỄ HỘI TT VIỆT NAM



Mô hình LỄ HỘI TT Việt Nam

### **1.5.1. Hệ thống nghi lễ, nghi thức thờ cúng – tế lễ trong lễ hội**

#### 1.5.1.1. Thời gian và không gian diễn ra nghi thức, nghi lễ

- Hệ thống nghi lễ, nghi thức thường diễn ra khi mở đầu và kết thúc 1 lễ hội đối với tập thể, địa phương tổ chức lễ hội
- Những nghi lễ, nghi thức này còn dành cho các tổ chức, các tập thể không có vai trò tổ chức lễ hội hay các cá nhân tới tham dự lễ hội. Họ được tham dự phần nghi lễ diễn ra sau khi khai hội và kéo dài trong suốt kì lễ hội
- Nghi lễ thường chỉ diễn ra trong không gian hẹp là thần điện, nơi ngự, nơi thờ tự thánh thần, đồng thời là tâm điểm của lễ hội

#### 1.5.1.2. Đặc điểm của nghi lễ, nghi thức

Nghi lễ bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo – tín ngưỡng, thể hiện lòng tôn kính của cả cộng đồng đối với vị thần được thờ tại địa phương. Các nghi lễ, nghi thức mang tính giáo điều, bất biến và mang tính chất bắt buộc, qui chuẩn; yếu tố khả biến ít, chậm được đổi mới, nó luôn chứa đựng sự quan tâm sâu sắc của đông đảo quần chúng nhân dân. Hệ thống nghi thức nghi lễ, ngoài những hành lễ còn có sự tham gia của đồ thờ, lễ vật. Đặc điểm của nghi lễ bao giờ cũng mang yếu tố “thiêng”, gồm các yếu tố:

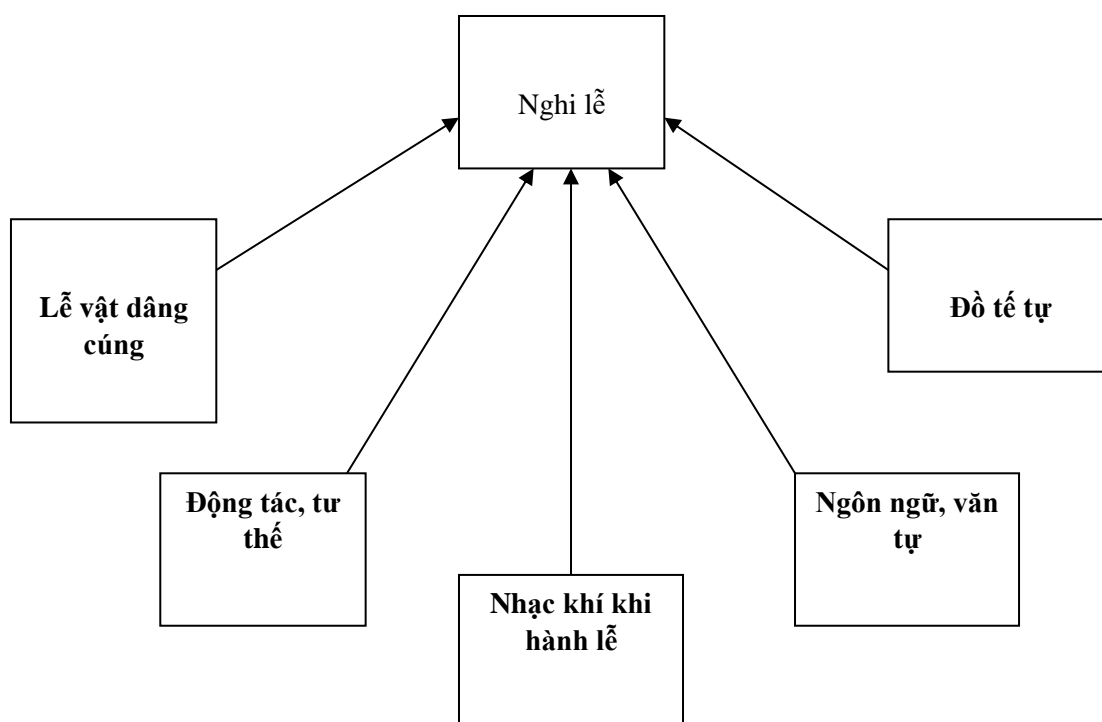
- Thời gian thiêng
- Không gian thiêng
- Con người thiêng
- Trang phục thiêng
- Lễ vật thiêng
- Hành động, cử chỉ thiêng
- Ngôn ngữ, văn tự thiêng

Nghi lễ là để biểu thị thái độ thành kính, trân trọng, tôn vinh, Hệ thống tín điều trong nghi lễ mang tính tượng niệm và có tính giáo dục sâu sắc. Nghi lễ là sự “xin xỏ đối với thần linh” của con người, biểu hiện mối quan hệ giữa con người với vũ trụ, là cách ứng xử của con người với thiên nhiên, thần thánh và xã hội thông qua hệ thống biểu tượng

Nghi lễ là những nghi thức, cách thức mà con người dùng để dâng đồ cúng lên thần linh, nhằm “hữu thể hoá”, “hiện thực hoá” cái thiêng vốn vô hình, từ đó tạo ra sự giao lưu và giao thoa: Người – Thần, Đời - Đạo... tạo ra sự cộng cảm, cộng mệnh trong đời sống văn hoá cộng đồng

Phân nghi lễ thường được diễn ra trong thần điện hoặc không gian văn hoá chịu ảnh hưởng của thần điện đó. Hoạt động nghi lễ đôi khi mở rộng ra ngoài thần điện để phô diễn quyền uy, quyền năng của thần, đồng thời để đời thường thâm nhập vào thế giới thần linh huyền bí. Về cơ bản Lễ được hình thành bởi: Hệ thống di tích, nhân vật được thờ tại di tích, hệ thống nghi lễ, nghi thức thờ cúng tế lễ, những tục hèm...

### 1.5.1.3. Những yếu tố cấu thành nghi lễ



*Các yếu tố cấu thành nghi lễ*

### 1.5.2. Tục hèm và trò diễn dân gian trong lễ hội

#### 1.5.2.1. Khái quát về vị trí tục hèm và trò diễn dân gian trong lễ hội

Đây là phần cực kỳ phong phú, sinh động và độc đáo của từng lễ hội. Hèm là trò diễn lại sinh hoạt, sự tích của vị Thần thờ trong làng, coi là nghi tiết lúc mới vào đám, là điều kiêng kỵ do thờ cúng thần linh. Ngoài ra trong các lễ hội còn luôn tồn tại những trò diễn dân gian mang tính nghi lễ bắt buộc phải có trong một số lễ hội. Những trò diễn ấy là những nghi thức, nghi lễ có liên quan tới những chi tiết nào đó trong lai lịch, công trạng của vị thần được thờ. Khác với hèm chỉ là một hành động, một nghi thức ngắn hay chỉ là sự kiêng kỵ thì trò diễn dân gian diễn ra với qui mô lớn hơn, thời gian dài hơn, số lượng người và phương tiện tham gia nhiều hơn. Đôi khi, trò diễn trong lễ hội trở thành hạt nhân của lễ hội, thu hút sự quan tâm sâu sắc của cả người tổ chức và những người tham dự hội. Những trò diễn tích Thánh Gióng đánh giặc Ân trong hội Gióng ngày mùng 9/4 âm lịch; trò diễn "cờ lau tập trận" ở hội Trường Yên - Hoa Lư - Ninh Bình (10/3 âm lịch), trò diễn cướp cầu ở rất nhiều lễ hội.

Người ta thường chia tách Hội ra khỏi Lễ hội, coi Hội là một bộ phận độc lập, nhưng thực ra không hẳn vậy. Trong Lễ hội tuy có Lễ, có Hội nhưng trong Lễ cũng có Hội và trong Hội cũng có Lễ. Bởi lễ chính là hội đã được quy chuẩn hóa, Lễ là tiền đề chi phối cho các hoạt động Hội và trong Hội có Lễ. Những biến thái của Lễ lấp ló trong Hội, Lễ là cái cốt, là hạt nhân của Hội. Các hoạt động diễn ra trong Hội không hoàn toàn trần tục, dân gian một cách thuần túy mà nó mang tính nghi lễ, phong tục, tập quán bản địa rõ nét. Đây là lúc, là nơi

diễn ra các trò chơi dân gian truyền thống: ném còn của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc, chơi đu, vít, kéo co, đấu cờ, chọi trâu, thi thả chim... Những trò chơi dân gian không chỉ là những hoạt động vui chơi giải trí thuần túy mà đôi khi còn mang dáng dấp, hình ảnh về những tập tục cổ xưa có liên quan đến cuộc sống sinh hoạt, lao động sản xuất. Nhiều hiện tượng văn hóa liên quan và phản ánh đến các nghi thức trong lao động sản xuất nông nghiệp, ví dụ như, trong nhiều hội xưa kia có tổ chức thi đốt pháo (hội Đồng Ky, Đồng Quan, Từ Sơn, Bắc Ninh vào ngày mùng 4 tháng giêng) có liên quan đến tục cầu mưa, cầu nước của cư dân nông nghiệp. Tiếng pháo biểu trưng cho tiếng sấm cầu mưa.

Tiếng pháo trong các lễ hội không chỉ phản ánh nghi thức cầu mưa của cộng đồng cư dân sản xuất nông nghiệp mà còn là khi đất nước có chiến tranh có thể là tiếng pháo xuất quân ra trận hay là tiếng pháo mừng chiến thắng ca khúc khải hoàn. Ngày nay, tiếng pháo đó đã không còn nữa theo qui định của Chính phủ, nhưng quả pháo truyền thống vẫn được thờ trong đình nhắc người dân hoài niệm về một cổ lục đã đi vào lịch sử. Giờ đây, tiếng pháo đã được thay bằng những tiếng nổ của việc đập các niêu đất hay đốt các ông tre? Những trò thi thả chim, "phóng diều", thi chim trong các lễ hội hiện nay, phải chăng có liên quan đến tục thả diều để cầu tạnh (ngược với cầu mưa) của cư dân trồng trọt? Một số lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số, trên các vùng núi và cao nguyên họ vui chơi nhảy múa bên đống lửa, đốt đuốc nhảy múa trong đêm cũng có mối liên hệ tới tục giữ lửa, tục thờ mặt trời của cư dân nông nghiệp nguyên thủy?

Hoạt động trong hội chính là những động thái nhằm bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống của một cộng đồng dân cư. Trong khi cuộc sống liên tục phát triển, biến đổi không ngừng, những yếu tố cổ truyền đôi khi trở nên không phù hợp với đời sống hiện đại, nên dễ bị lãng quên, bị bỏ qua trên bước đường phát triển. Đây là quy luật tự nhiên, mang tính tất yếu. Nếu như không có các hoạt động lễ hội lưu giữ trong mình những yếu tố văn hóa truyền thống thì các yếu tố đó rất dễ bị thất truyền. Tự thân lễ hội là một kho tàng văn hóa góp phần vào việc bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống của cha ông, chỉ ít cũng làm chậm sự lãng quên theo quy luật tự nhiên này. Ví dụ như nếu như không có tục thi thổi cơm bằng niêu đất, dùng củi rơm... thì các trẻ em, đặc biệt là trẻ em thành phố khó có thể hiểu được những hình ảnh bình dị mà tổ tiên, cha ông của họ đã sống, sinh hoạt và tồn tại như thế nào.

Các hoạt động văn hóa mang đậm yếu tố cộng đồng phản ánh đời thường, cuộc sống lao động sản xuất, quá trình cải tạo & hoà đồng với thiên nhiên của con người, cũng như các mối quan hệ, cách ứng xử giữa con người với nhau trong đời sống xã hội. Những hoạt động đó luôn thể hiện tình thân ái, tình nghĩa láng giềng, tinh thần cộng đồng sâu rộng, thoả mãn các nhu cầu vật chất, tinh thần, với mong muốn vươn tới đỉnh cao hơn trên đường phát triển. Bất cứ một lễ hội nào, các hình thức nghi lễ còn được cấu thành bởi những hình thức sinh hoạt vui chơi giải trí diễn ra trong không gian và thời gian nhất định. Đây là dịp để lựa chọn, bồi dưỡng nhân lực, nhân tài, là nơi thi tài của quần chúng nhân dân trên nhiều lĩnh vực, nhiều loại hình.

### 1.5.2.2. Nội dung những tục hèm và trò diễn dân gian trong lễ hội

Trong các lễ hội dân gian truyền thống, trong và sau phần nghi lễ của các lễ hội còn có thể diễn ra các tục hèm, trò diễn xướng dân gian, nhằm nhắc lại những sự kiện đã xảy ra có liên quan đến đối tượng thờ cúng, thể hiện sự ứng xử của con người với thần linh.

- Khái niệm Hèm: *Người ta thường bày một trò để nhắc lại tính tình, sự nghiệp hoặc hành động của vị thần được thờ*

Hèm là một sự kiện quan trọng đáng chú ý trong các lễ hội dân gian ở các miền quê khác nhau. Đó là trong các cuộc hành lễ như dịp vào đám, có một tục lệ nhắc tới các điểm nổi bật trong cuộc đời vị thành hoàng. Người ta tổ chức một cuộc đánh vật ở làng mà thành hoàng là một vị thần chinh chiến, một cuộc đánh cắp nếu thành hoàng là một kẻ trộm... Tục lệ này người Việt Nam gọi là hèm và thường được giữ bí mật đối với người ngoài địa phương; Đó là một trong các nét chính của các việc thờ cúng hoàng làng; bỏ qua tục lệ này là phạm đến sự phồn vinh của làng. Nghi lễ này thường được tổ chức vào ban đêm khi nó diễn lại một sự việc đáng kính theo quan niệm thông thường và thường được tổ chức vào ban ngày khi nó nhắc lại một việc làm đạo đức hay một hành động dũng cảm. Lễ hèm thường được cúng bằng các lễ vật cùng các phương tiện, và đồ dùng về nghi lễ đôi khi rất bất ngờ chỉ dùng trong kỳ lễ hội.

#### \* Trò diễn dân gian

Diễn xướng dân gian là những hoạt động văn hóa diễn ra trong phạm vi thời gian và không gian lễ hội. Ở một lễ hội nào đó, nó được coi là các tục hèm hoặc là các hình thức biểu diễn văn hóa nghệ thuật mang đậm sắc thái bản địa, địa phương, vùng miền. Diễn xướng dân gian bao gồm các hình thức *diễn xướng sự tích* nhằm nhắc lại quá khứ về lai lịch, công trạng của các vị thần, các nhân vật, sự kiện được thờ trong lễ hội; *diễn xướng thi tài*, tìm ra cá nhân, cộng đồng nổi trội, nhằm vui chơi giải trí và tôn vinh con người và sự kiện; *diễn xướng tâm linh* để biểu thị tâm tư tình cảm, ước vọng của các tầng lớp dân cư khác nhau, để thiêng hóa các mối quan hệ trần tục; *diễn xướng vui chơi giải trí* nhằm tích tụ và thu nạp năng lượng cho cuộc sống mới v.v...,

Trò diễn dân gian được biểu hiện bằng nhiều hình thức, nhiều loại hình trong các lễ hội nhằm diễn lại các sự tích có liên quan tới các nhân vật, sự kiện mà lễ hội tưởng niệm. Ví dụ như trò diễn "Cờ lau tập trận" trong lễ hội Trường Yên [Hoa Lư, Ninh Bình] vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch kỷ niệm vua Đinh Tiên Hoàng thừa ấu thơ, bước đầu dựng nghiệp. Để thực hiện trò này, người ta chọn từ 70 đến 100 em trai tuổi khoảng 15, 16 tuổi, có tầm vóc sần sần nhau, nhanh nhẹn, sức khỏe tốt. Đặc biệt, đóng vai Đinh Bộ Lĩnh phải là một cậu bé khỏe mạnh, mặt mũi sáng sủa, thông minh, lanh lợi. Riêng trang phục, người đóng vai Đinh Bộ Lĩnh được mặc áo vàng (hoàng bào) của Vua, đội quân mặc áo xanh, quần cộc trắng hoặc xanh. Đội quân này phải luyện tập trước đó nhiều ngày, chia làm hai phe mặc trang phục khác nhau. Vũ khí là các loại côn, kiếm, bông lau làm cờ hiệu và mang theo hình những chiếc đầu trâu đan bằng nan tre,

phết giấy bên ngoài. Các em còn sử dụng chiêng trống để làm hiệu lệnh điều khiển xung trận và thu quân. Trước khi diễn trò, đoàn quân vào ước sân rồng trước ban thờ vua Đinh làm lễ xin phép vua được trình diễn trò để nhớ ơn tiên tổ và cầu lấy khước cho dân làng.

Trong khi lễ, ông trùm hội đọc bài tấu:

*Giời sinh Thánh đế, Đẹp loạn chính vi. Giữ nước hộ dân.*

*Nay lũ hồng quân, Thác sinh đê lý.*

*Tổ truyền tôn thế, Trái mấy nghìn năm, Độ đức cao thăm, Nhờ ơn ủng hộ.*

*Non sông chung tú,*

.....

Khi ông trùm đọc xong, đoàn trẻ vác cờ lau ra diễn trận. Đám quân có Đinh Bộ Lĩnh chỉ huy luôn thắng trận. Đinh Bộ Lĩnh được các chú bé công kênh trên tay, rước đi quanh vùng trong tiếng hò reo mừng chiến thắng. Khi kết thúc trò, đoàn quân thiếu nhi lại tập hợp trước điện Vua Đinh để lễ tạ, cầu mong Vua chúng giám và trì độ cho đám trẻ và toàn thể dân làng.

### ***1.5.3. Hệ thống các trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống Việt Nam***

Đây là một phần đặc biệt quan trọng, không thể thiếu của các lễ hội dân gian truyền thống, là kho tàng văn hóa dân gian lưu giữ và phản ánh nét văn hóa bản sắc của địa phương, dân tộc, thể hiện một phần hình ảnh của quê hương đất nước. Hệ thống trò chơi dân gian vô cùng phong phú về số lượng và loại hình. Căn cứ vào nội dung và hình thức thể hiện, có thể xếp chúng vào những loại hình sau đây:

- Trò chơi luyện ái.
- Trò chơi chiến trận.
- Trò chơi giải trí.
- Trò chơi trí tuệ.
- Trò chơi thi tài.
- Trò chơi phong tục.
- Trò chơi nghề nghiệp.

Trò chơi dân gian thể hiện cách ứng xử và các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân và cộng đồng và giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Đó là sự phản ánh các mối quan hệ của con người với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, giữa người với người. Trò chơi dân gian chính là dịp vui chơi giải trí, xua đi những mệt nhọc sau những ngày làm việc căng thẳng. Là dịp người dân được sống với sự hồn nhiên trong sáng vui tươi, nhân bản nhất của mình và cộng đồng. Trò chơi dân gian là một sinh hoạt văn hoá không thể



thiếu trong đời sống cộng đồng mỗi dân tộc. Nó giúp cho cơ thể hoạt bát, tăng sức bền bỉ, rèn luyện tính dũng cảm, kích thích năng lực sáng tạo, tăng sự hiểu biết về thế giới xung quanh, giảm mệt mỏi, căng thẳng, giúp cho con người vui vẻ, yêu đời. Trò chơi dân gian ra đời nhằm thoả mãn và phát triển sức lao động của con người, tạo niềm vui trong cuộc sống. Hơn nữa, các trò chơi dân gian Việt Nam thường giản tiện, không cầu kỳ, tốn kém nên mọi người có thể dễ dàng chơi mọi lúc, mọi nơi.

Trò chơi có nhiều thể loại phù hợp với các sở thích, cá tính khác nhau của nhiều đối tượng người chơi (sôi nổi, điềm đạm, trầm tĩnh). Nội dung trò chơi cũng hết sức đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng, lứa tuổi. Có trò chơi rèn luyện cơ thể, mang tính thể thao, đề cao tài năng (đá cầu, đánh đu, đánh đu, đánh phết, chơi chuyền, nhảy dây, thi cướp cờ, đá bóng, đánh trận giả). Có trò chơi phát huy tính sáng tạo, trí tuệ (đánh cờ, chơi ô ăn quan, đèn kéo quân, chơi ống phốc, nổ ống phốc, xếp giấy, làm trống đất, làm sáo gió...). Các trò chơi dân gian thường mang tính vừa hợp tác vừa ganh đua giữa nhóm người này với nhóm người khác hay cá nhân này với cá nhân khác. Dụng cụ chơi dễ kiếm, dễ làm, chủ yếu là những nguyên liệu lấy từ trong tự nhiên. Có những trò chơi dành cho người già, thanh niên, lại có những trò dành cho trẻ em. Phong phú nhất vẫn là trò chơi trẻ em.

#### ***1.5.4. Hội chợ triển lãm và văn hoá ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam***

##### ***1.5.4.1. Hội chợ triển lãm trong lễ hội***

Hội chợ là dịp trưng bày và bán các sản phẩm thủ công truyền thống, là dịp để quảng cáo, tiếp thị, chào bán, ký kết các hợp đồng kinh tế. Đây là các hoạt động kinh tế nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phục vụ người đi lễ hội. Tổ chức ký kết các hợp đồng kinh tế giữa các cá nhân và tập thể với nhau. Hội chợ trong lễ hội là dịp duy nhất trong năm phá bỏ tình trạng tự cấp – tự túc trong các cộng đồng dân cư ở làng xã dưới thời phong kiến

Hiện nay trong các lễ hội xuất hiện nhiều hình thức dịch vụ như: quảng cáo, tiếp thị, chào bán hàng hoá và các sản phẩm được sản xuất bởi các ngành kinh tế hay của 1 địa phương, 1 hãng hay tập đoàn nào đó... Các dịch vụ ngày càng xuất hiện nhiều trong các lễ hội truyền thống: bán đồ ăn, hàng tiêu dùng, đồ lưu niệm, các dịch vụ đa dạng phục vụ nhu cầu của khách tham dự lễ hội

##### ***1.5.4.2. Hoạt động văn hoá ẩm thực diễn ra trong lễ hội***

- Văn hoá ẩm thực là cách thức chế biến và sử dụng những món ăn để phục vụ các mục đích khác nhau trong lễ hội

- Ẩm thực văn hoá là thẩm nhận 1 cách văn hoá về ẩm thực

\* Vai trò của văn hoá ẩm thực đối với người Việt Nam

- Là dịp tự bồi dưỡng sức khoẻ đồng thời hưởng lộc của thánh thần ban cho
- Là dịp thưởng thức món ngon vật lạ, đặc sản của quê mình, quê người

- Là dịp để chăm sóc người thân
- Là dịp gặp gỡ, giao lưu học hỏi kinh nghiệm chế biến, cách thức tổ chức kinh doanh, thái độ, phong cách phục vụ
- Là dịp quảng bá các đặc sản của địa phương với du khách trong và ngoài nước
- Là dịp kí kết, ghi nhớ các thoả thuận giữa các cá nhân và tổ chức với các cá nhân và tổ chức khác

\* Văn hoá ẩm thực trong lễ hội

Lễ vật là 1 thành tố được coi là linh thiêng chứa đựng năng lượng thiêng để tế thần. Trong hoạt động lễ hội, Lễ vật có vai trò đặc biệt quan trọng, là nội dung không thể thiếu, được chú trọng, quan tâm đặc biệt, chuẩn bị thật chu đáo, bởi lễ vật dâng cúng phản ánh và thể hiện sự tôn kính, tình cảm thái độ trách nhiệm và cả trình độ của dân chúng dành cho thần, dâng lên thần. Sau khi cúng tế, lễ vật dâng cúng được đem chia cho mọi người cùng hưởng - đó chính là Miếng thiêng bởi đã được cúng thần, nó thấm đượm uy linh, linh khí của Thần, thấm đượm ơn huệ mà thần ban phát cho chúng sinh

Lễ hội là dịp người ta đưa ra các món ăn đặc sản của từng vùng, miền có khi đó là đặc sản dùng để tế lễ thần linh, sau đó cho con người thưởng thức

Mỗi dịp lễ hội còn để các địa phương thi nấu cỗ thi tài nấu ăn, chế biến đồ ăn thức uống truyền thống, tìm ra những món ngon vật lạ, những bàn tay vàng trong nấu ăn, bày cỗ của nhân dân địa phương và du khách đến sự hội

Lễ hội cũng là dịp tập trung đông người nên người ta nấu các món ăn để bán, phục vụ khách đi trải hội, đây là hoạt động kinh doanh mang lại các mục đích kinh tế phục vụ các nhu cầu thiết yếu của người dân

## CHƯƠNG 2: CÁC LOẠI HÌNH LỄ HỘI VIỆT NAM

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2

Chương này giới thiệu khái quát chung các loại hình lễ hội Việt Nam, mục đích phân loại và phân loại lễ hội Việt Nam, một số lễ hội tiêu biểu. Đồng thời cũng làm rõ mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch

### ❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 2

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

#### ➤ Về kiến thức:

- Trình bày và giải thích được mục đích phân loại và phân loại lễ hội Việt Nam
- Trình bày được một số lễ hội tiêu biểu
- Trình bày và giải thích được mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch

#### ➤ Về kỹ năng:

- Nhận thức và tư duy được các vấn đề liên quan đến lễ hội truyền thống và lễ hội của các dân tộc thiểu số để vận dụng vào thực tế công việc
- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích được bản chất của các lễ hội đó

#### ➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch
- Rèn luyện ý thức giữ gìn, bảo lưu và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc
- Thể hiện được thái độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài sôi nổi, phát huy tính tích cực sáng tạo trong học tập.

### ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề, thực hành); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 2 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của người dạy*

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

- **Nội dung:**

- ✓ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- ✓ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
  - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
  - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
  - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
  - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp:**
- ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** *Không*
- ✓ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** *1 điểm kiểm tra (hình thức: viết)*

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 2

### 2.1. Mục đích phân loại

- Giúp cho những nhà quản lý văn hoá thông kê, nắm được số lượng, lịch trình các lễ hội diễn ra trên địa bàn mình quản lý, từ đó có những biện pháp khai thác sử dụng có hiệu quả tối ưu phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá xã hội của địa phương

- Giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá về nội dung các lễ hội truyền thống, đặt nó trong tiến trình phát triển của lịch sử từ quá khứ đến hiện tại. Từ đó tìm ra những yếu tố tích cực và cả những yếu tố lỗi thời, lạc hậu (nếu có) để đưa ra những biện pháp khai thác, sử dụng, phát huy những mặt tích cực, đạt hiệu quả tối ưu

- Giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu kho tàng di sản văn hoá phi vật thể cụ thể, có tính hệ thống, khách quan hơn. Thông qua đó có những biện pháp cụ thể, góp phần bảo tồn, chấn hưng và phát triển văn hoá dân tộc trong giai đoạn mới

- Giúp cho những người công tác trong ngành du lịch nắm được lịch trình, thời gian, không gian cùng nội dung của các lễ hội, từ đó có kế hoạch triển khai các biện pháp nghiệp vụ để kinh doanh loại hình “Du lịch lễ hội” đạt hiệu quả cao, tương xứng với tiềm năng phong phú của thành tố văn hoá đặc sắc này của dân tộc

### 2.2. Phân loại lễ hội Việt Nam

#### 2.2.1. Phân loại theo không gian lãnh thổ: là hình thức phân loại theo qui mô, mức độ và phạm vi ảnh hưởng, chi phối, tác động của các lễ hội

Không gian lễ hội là phạm vi không chỉ về mặt hành chính mà còn nằm trong không gian chịu tác động và ảnh hưởng của sự kiện văn hoá đó

##### 2.2.1.1. Lễ hội mang tính quốc tế

Là những lễ hội thường được du nhập từ bên ngoài vào trong đời sống chính trị, văn hoá xã hội của người Việt Nam, được cả người Việt Nam và thế giới tổ chức

- Các lễ hội của các tôn giáo như những lễ hội của Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Tin lành...

- Các lễ kỉ niệm của các giai cấp, tầng lớp như giai cấp công nhân có ngày Quốc tế lao động 1/5, phụ nữ có ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3

Lễ hội mang tính quốc tế thường được tổ chức vào các dịp kỉ niệm về các nhân vật, sự kiện lịch sử có liên quan, ảnh hưởng, chi phối tới ý thức, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp cầm quyền

#### 2.2.1.2. Lễ hội mang tính quốc gia

- Là những lễ hội mà nhân vật hoặc sự kiện được thờ cúng có liên quan, ảnh hưởng sâu sắc, rộng lớn tới cả dân tộc và đất nước (thường được gọi với các tên gọi như Quốc hội, Quốc tế, Quốc lễ, Quốc tự – VD: lễ hội Đền Hùng)

- Là những lễ hội mà ảnh hưởng của nó lan toả sâu rộng, có sức hút lớn trong các tầng lớp nhân dân của mọi miền đất nước (lễ hội Chùa Hương)

- Các lễ hội hiện đại phản ánh các sự kiện lịch sử có vai trò to lớn, tác động và ảnh hưởng sâu sắc tới tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc (Quốc khánh 2/9, Mừng ngày sinh nhật Bác 19/5...)

#### 2.2.1.3. Lễ hội mang tính vùng miền

- Là những lễ hội mà nhân vật hoặc sự kiện được thờ khá nổi tiếng. Khi tổ chức lễ hội có sự tham gia, có mặt của nhân dân trên 1 địa bàn của nhiều địa phương ở gần nhau nằm trên 1 vùng rộng lớn

- Lễ hội dạng này mang 2 hình thức:

- Việc tổ chức lễ hội tại 1 tuyến điểm trong 1 địa phương nhưng có sức hút với cư dân của cả vùng đến tham dự lễ hội bởi nội dung và hình thức, tính chất của lễ hội đó
- Cùng 1 thời điểm, hay trong 1 khoảng thời gian gần nhau, tất cả các địa phương lân cận đều đồng loạt mở hội cùng để kỉ niệm về 1 nhân vật hay sự kiện lịch sử nào đó

#### 2.2.1.4. Lễ hội làng

- Là hình thức phổ biến rộng rãi, với số lượng nhiều, nội dung phong phú, đa dạng và sinh động nhất. Hội làng truyền thống đã góp phần tạo dựng và vun đắp lối sống, phong cách và văn hoá Việt

- Là lễ hội chủ đạo trong đời sống văn hoá của các tầng lớp cư dân. Nó trở thành hạt nhân, nền tảng cho kho tàng lễ hội của dân tộc tồn tại, phát sinh, phát triển trong suốt tiến trình lịch sử

### **2.2.2. Phân loại lễ hội theo tôn giáo, tín ngưỡng**

#### 2.2.2.1. Lễ hội theo tôn giáo

\* Đặc điểm lễ hội của các tôn giáo

- Không giới hạn về không gian mà chỉ giới hạn về thời gian tổ chức lễ hội. Thời gian lễ hội diễn ra vào các dịp kỉ niệm, lễ trọng gắn với các mốc thời gian có liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của các Đấng Giáo chủ

- Lễ hội tôn giáo diễn ra trong không gian cụ thể là các thánh đườngm những nơi thờ tự của các tôn giáo và phạm vi ảnh hưởng của nó. Không gian lễ hội tôn giáo thường diễn ra rất rộng, trên tất cả những nơi có hệ thống giáo đường của các tôn giáo

- Lễ hội của các tôn giáo thường gắn với các mốc thời gian, các sự kiện có liên quan đến các bậc giáo chủ của các tôn giáo và các tông đồ thân tín của Ngài

- Lễ hội tôn giáo thường nặng về nghi thức hành lễ, phần hội diễn ra sau đó thường đơn giản. Dù với qui mô và hình thức như thế nào thì lễ hội tôn giáo đều có được lòng tin tuyệt đối của đội ngũ giáo dân, tín đồ khi tham dự

\* 1 số lễ hội tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam

+ Lễ hội của Kitô giáo

+ Lễ hội của Phật giáo

+ Lễ Vu Lan

+ Lễ kỉ niệm khai sáng Phật giáo Hoà Hảo

+ Lễ hội của Phật giáo Cao Đài

#### 2.2.2.2. Lễ hội theo tín ngưỡng

\* 1 số đặc điểm của tín ngưỡng Việt Nam

- Tín ngưỡng dân gian không có hệ thống giáo lý, tín điều qui chuẩn, cũng không có bậc giáo chủ chính thống, chưa có hệ thống cơ sở thờ tự thống nhất mà phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội của từng địa phương

- Lễ hội thờ cúng trong tín ngưỡng dân gian thường được cúng đồ mặn, trong khi đó tôn giáo thường cúng đồ chay

\* Những lễ hội liên quan tới các tín ngưỡng

+ Lễ hội của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

+ Lễ hội của tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng

+ Lễ hội của tín ngưỡng thờ cúng động vật

+ Lễ hội của tín ngưỡng thờ nhiên thần (các vị thần tự nhiên)

+ Lễ hội của tín ngưỡng phồn thực

#### 2.2.3. Phân loại lễ hội Itheo tính chất của lễ hội

##### 2.2.3.1. Lễ hội nông nghiệp

- Thường là hội làng, diễn ra ở những vùng cư dân có lịch sử lâu đời. Đây là những lễ tiết nông nghiệp rất cổ, gắn liền với thời kì mới bắt đầu xuất hiện những hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Thuộc loại hình lễ hội này, có những trò diễn nghệ thuật tín ngưỡng, nhắc lại những hoạt động sản xuất như cày bừa, gieo hạt, cấy lúa; hoặc rước thờ những sản phẩm nông nghiệp như bông lúa, bánh trái, gia súc hoặc rước nước, vẩy nước cầu mưa làm mùa, hoặc rèn luyện kỹ năng lao động bằng cách săn đuổi tìm bắt các thú vật.....

- Là các lễ hội có liên quan đến các nghi thức thờ cúng, tế lễ trong đó có sử dụng các nghi thức để cầu mưa, cầu nước, cầu mùa, tạ ơn... nội dung và hình thức của nó chứa đựng những yếu tố trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến diện mạo đời sống của cư dân nông nghiệp thông qua các hoạt động diễn ra trong đời sống xã hội như các hình thức và phương pháp canh tác truyền thống, kinh nghiệm làm ăn, xử lý các hiện tượng biến đổi của thời tiết có tác động ảnh hưởng tới cây trồng, vật nuôi

- Lễ hội của người VIỆT NAM phổ biến là hội mùa, có thể là nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp... Bản chất của hội mùa là cầu mong sự trợ giúp của các thế lực siêu nhiên để được mùa hơn trong lao động sản xuất tùy theo nghề nghiệp của các nhóm cư dân khác nhau

- Là dịp bày tỏ và thể hiện sự biết ơn, cảm tạ của cộng đồng khi nhận được sự trợ giúp của Thánh Thần

#### 2.2.3.2. Lễ hội phồn thực giao duyên

- Thường gắn liền với 1 thời kì rất cổ của quan niệm tín ngưỡng và quan hệ hôn nhân

- Những lễ hội làng thuộc loại này, dân làng thờ cúng hoặc rước thờ những đồ vật được gọi là hình cái “giống” của nam nữ, hoặc những hình tượng nam nữ loã thể, làm động tác tính giao cho các hình tượng ấy; hoặc tổ chức tranh cướp các hình sinh thực khí hoặc biểu diễn những hình tượng tính giao hạn chế; hoặc xa xưa có thể được “tháo khoán” cho mọi người giao phối tự do trong thời gian và không gian nhất định của lễ hội

#### 2.2.3.3. Lễ hội lịch sử

- Có nguồn gốc từ cách dùng trò diễn để nhắc lại hoặc biểu dương 1 hành động, 1 sự tích trong cuộc sống thường ngày của xã hội cổ sơ, về sau xoay quanh tín ngưỡng thành hoàng về 1 nhân vật lịch sử liên quan đến cả cộng đồng, dân các làng mở loại hội này, dùng hình thức diễn xướng để nhắc lại cuộc đời, sự tích của nhân vật ấy, và còn qua đây, dung nạp, bảo lưu khá nhiều tiết mục cổ xưa của các loại hình hội làng khác nữa

- Lễ hội lịch sử cách mạng là những lễ hội liên quan đến các nhân vật, sự kiện lịch sử mà vai trò của nó tác động ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của đời sống xã hội, của lịch sử địa phương hay của quốc gia dân tộc

#### 2.2.3.4. Các lễ hội khác

\* Hình thức lễ hội thuộc loại hình văn nghệ giải trí

- Lưu giữ nhiều những làn điệu dân ca và những trò chơi dân gian, sản phẩm của 1 lối sống cũng từ rất lâu đời được bảo lưu, bảo đảm bằng những hội làng

- Đó còn là những loại hình hội thi tài, nhằm rèn luyện và thử thách những thành viên trong làng theo cung cách làng xã cổ xưa, phổ biến là những tiết mục có tính thương võ..... và những tiết mục mang nội dung “nữ công gia chánh”...

\* Những lễ hội hiện đại

- Xuất hiện từ sau Cách mạng tháng 8 /1945

- Tổ chức nhân dịp các sự kiện chính trị quân sự, văn hoá xã hội nổi bật mà nội dung và tính chất các sự kiện đó có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống mọi mặt của các tầng lớp nhân dân trên khắp miền đất nước hoặc của 1 địa phương cụ thể

\* Những lễ hội văn hoá - thể thao – du lịch

- Xuất hiện trong quá trình đổi mới của đất nước

- Là những hoạt động văn hoá mang nặng yếu tố kinh tế, phản ánh trình độ và khả năng cùng các yêu cầu đặt ra của nền kinh tế đất nước trong giai đoạn mới của quá trình CNH – HĐH đất nước

- Ngành du lịch VIỆT NAM ngày càng tổ chức nhiều chương trình du lịch, mở rộng vòng tay đón bạn bè trong nước và quốc tế đến du lịch trên khắp miền đất nước VIỆT NAM tươi đẹp và anh hùng

## **2.3. Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam**

### **2.3.1. Những vấn đề chung về lễ hội của các dân tộc thiểu số**

#### **2.3.1.1. Thời gian tổ chức lễ hội**

- Do thời gian sản xuất mùa vụ nông nghiệp quyết định. Lễ hội thường diễn ra vào những thời điểm nông nhàn, kết thúc mùa vụ

- Lễ hội có thể diễn ra vào những dịp trong năm liên quan đến cuộc sống đời người (nghỉ lễ vòng đời)

#### **2.3.1.2. Không gian tổ chức lễ hội**

- Chính là không gian sinh tồn của các cộng đồng dân cư

- Thường gắn với những địa điểm thuộc phạm vi làng bản, gần làng bản – nhưng nơi được coi là thiêng trong quan niệm thường nhật của người dân trong làng bản, ở những nơi đó sẽ diễn ra hoạt động thờ cúng khi diễn ra lễ hội. Đó thường là gia đình trưởng họ, các cánh rừng thiêng, các thác nước, hang động.....

- Lễ hội còn diễn ra ở các vạt đồi, ruộng nương rộng rãi khô ráo, bằng phẳng ở cạnh làng bản, thuận lợi cho việc tập trung đông người trong khoảng thời gian nhất định

#### **2.3.1.3. Đối tượng thờ cúng chủ yếu**

- Có thể chia thành 2 dạng chủ yếu là Nhiên thần và Nhân thần trong đó Nhiên thần là đối tượng chủ yếu



## **2.4. Một số lễ hội tiêu biểu**

### **2.4.1. Hội tung còn của dân tộc Tày – Nùng**

Người dân tộc Thái quan niệm tung còn là sự hòa hợp âm - dương, với mong ước con đàn, cháu đống. Còn người Mường, Tày, Nùng xem tung còn là dịp trai gái gặp nhau, tìm hiểu rồi se duyên hoặc mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, may mắn suốt năm.

Lễ hội tung còn thường thấy ở những bản, làng vùng giáp biên giới phía Bắc - nơi có các dân tộc anh em như: Thái, Mường, Nùng, Tày..., tập trung sinh sống.

Ngay từ chiều 30 Tết, cột tung còn được thanh niên trong làng dựng lên giữa bãi đất trống.

Cột tung còn là cây tre tàu, cao khoảng 12–15m, một đầu buộc tấm ván ép hình tròn đường kính khoảng 30-40 cm, hai mặt ngoài dán giấy nhiều màu, buộc những sợi tua hoặc lông gà để trang trí, màu sắc dán trên 2 mặt của của hình tròn thể hiện âm – dương, trời - đất

Quả còn được may từ 2 mảnh vải, hình vuông có nhiều màu sắc, trong quả được nhét đầy cát hoặc thóc (trọng lượng khoảng 100 gram – 150 gram) để tạo độ nặng khi tung.

Quả còn có nhiều loại: 12 múi với 12 màu, hoặc từ 4-8 múi với số màu sắc tương ứng.

Theo truyền thống, người tham gia hội tung còn thường là nam thanh nữ tú, nhưng ngày này ai cũng có thể tham gia cuộc chơi.

### **2.4.2. Lễ hội xuống đồng vùng Tây Bắc**

Vào dịp đầu năm mới, đồng bào dân tộc Thái vùng Tây Bắc lại rộn ràng tổ chức Lễ hội Lùng tùng. Đây là lễ hội truyền thống của đồng bào Thái, mang tính chất nghi lễ nông nghiệp, mở đầu cho mùa sản xuất mới, cầu cho mùa màng bội thu, gia súc phát triển, con người khỏe mạnh, bản làng yên vui, mọi người, mọi nhà ấm no, hạnh phúc...

Trước ngày tổ chức Lễ hội Lùng tùng, các già làng chuẩn bị các công việc cho ngày hội như chuẩn bị lễ cúng thần linh bao gồm lợn luộc, gà luộc, xôi màu, hoa quả, tiền vàng, trầu cau, bánh, rượu, mật ong, cá nướng, cá muối chua... và chọn thửa ruộng ở nơi bằng phẳng, rộng rãi, thuận tiện cho tổ chức nghi thức xuống đồng, cũng là nơi tổ chức các trò chơi và văn nghệ dân gian. Các bản cũng chọn ra những con trâu khỏe, chiếc cày tốt để thực hiện những đường cày đầu tiên của năm mới.

Nghi lễ đầu tiên, bản mường thường mở một lễ cúng, trong đó già làng hoặc ông mo (thầy cúng) phải làm lễ xin báo cáo thần linh, thổ địa, sau đó mới tổ chức lễ cúng Nàng Han ngay tại bản. Nàng Han được coi là vị đại diện cho lực lượng thần linh bảo vệ bản mường, cúng xong thì đoàn người rước cờ trống và lễ vật cúng Nàng Han ra mảnh ruộng được chuẩn bị cho lễ hội.

Tại đây sắp thêm 4 mâm cúng nữa, là các mâm cúng chúng sinh; cúng thành hoàng làng; cúng thần linh các cõi tiên giới và dưới biển, dưới đất; cúng các thần núi, thần rừng, thần đất. Sau khi thực hiện xong phần cúng các vị thần mới tiến hành các nghi thức cày bừa, gieo hạt... cầu cho một năm sản xuất mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, cầu cho người dân được khỏe mạnh.

Phần hội tiếp đó là chương trình văn nghệ dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc Thái, sau đó bà con và du khách được tham gia các trò chơi dân gian như tung còn, đẩy gậy, bắn nỏ, đánh đu, tó má lẹ, kéo co...

Từ hoạt động Lễ hội Lùng tùng, mỗi người dân địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc Thái và thế hệ trẻ không chỉ tham gia vào việc tổ chức lễ hội mà còn có thêm hiểu biết, có ý thức gìn giữ, bảo tồn nét đẹp văn hóa của cộng đồng. Lễ hội Lùng tùng còn là dịp để đồng bào các dân tộc tụ hội, giao lưu văn hóa, tình cảm, tăng thêm sự hiểu biết, tình đoàn kết gắn bó, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### **2.4.3. Lễ hội Katê của người Chăm**

Katê là lễ hội dân gian có từ lâu đời và đặc sắc nhất của người Chăm theo đạo Bàlamôn ở Bình Thuận với ý nghĩa tưởng nhớ đến các vị thần và cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng thuận lợi, lúa đôi hòa hợp, con người và vạn vật sinh sôi nảy nở. Vào lễ hội Katê, không chỉ người Chăm ở Bình Thuận mà người Chăm sinh sống, làm việc ở khắp mọi nơi đều trở về đoàn tụ và quây quần cùng gia đình, bạn bè và người thân.

Lễ hội Katê được tỉnh Bình Thuận phục dựng tại tháp Pô Sah Inur (phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết) từ năm 2005 và trở thành một trong 6 lễ hội tiêu biểu được tỉnh lựa chọn để phát triển du lịch. Không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, tình cảm của đồng bào Chăm mà lễ hội Katê còn góp phần quảng bá văn hóa, hình ảnh Bình Thuận đến với du khách trong nước và quốc tế.

Bên cạnh các nghi lễ truyền thống như lễ rước y trang của nữ thần Pô Sah Inur lên tháp, lễ mở cửa tháp chính, nghi thức tắm bệ thờ Linga - Yoni, mặc trang phục, đại lễ cúng mừng Katê tại tháp chính..., lễ hội Katê còn có phần hội với các trò chơi dân gian mang đậm nét văn hóa đặc trưng của người Chăm như thi đi cà kheo, làm bánh gừng, thi giã gạo, đội nước vượt chướng ngại vật...

Lễ hội Kate của người Chăm ở khu vực Bình Thuận, Ninh Thuận hằng năm được khai diễn vào ngày 1/7 Chăm lịch – thường vào cuối tháng 9 đầu tháng 10 dương lịch. Đây là lễ hội lớn kéo dài trong 3 ngày, với nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ truyền thống Chăm đặc sắc và là một trong 6 lễ hội tiêu biểu được tỉnh Bình Thuận lựa chọn để phát triển du lịch.

Bình Thuận hiện có trên 39.600 người Chăm sinh sống, tập trung tại các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh... Trong đó, đồng bào Chăm theo đạo Bàlamôn có khoảng 18.000 người. Ngoài lễ hội Katê, người Chăm ở Bình Thuận còn có nhiều lễ hội mang nét văn hóa, tín ngưỡng đặc sắc như: Rijanugar, Súc dâng, Tết Ramurwan...

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, thực hiện việc quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa./.

Lễ hội Kate diễn ra vào tháng 7 theo lịch Chăm (khoảng tháng 9-10 dương lịch). Được tổ chức trong 3 ngày.

Ngày đầu tiên của lễ Kate là ngày mà người Raglai rước y phục của các vị thần trở về làng của người Chăm ở khu vực có đền thờ của vị thần đó. Buổi lễ rước và lễ đón y phục của người Chăm diễn ra rất trang trọng, với những hoạt động văn nghệ truyền thống Chăm đặc sắc.

Ngày thứ hai là ngày đặc sắc nhất của lễ hội, với việc những người Chăm rước y phục của vị thần lên đền tháp thờ vị thần đó, và tiến hành tắm rửa cho tượng thần, khoác y phục cho tượng thần, cùng các hoạt động tôn giáo truyền thống khác. Ngày này, những người Chăm địa phương và các vùng lân cận (không có đền tháp) đều tìm về đền tháp, trong những bộ trang phục lễ hội truyền thống đẹp nhất của mình, sắm sửa lễ vật cúng dâng các thần để cầu mong những điều tốt đẹp.

Ngày thứ ba là phần lễ hội ở các làng, các gia đình. Mọi thành viên trong gia đình quây quần bên nhau, cùng cầu mong cho tổ tiên, thần linh phù hộ để con cháu làm ăn phát đạt, gặp nhiều may mắn.

#### **2.4.4. Lễ hội đâm trâu của dân tộc Bana**

Lễ hội đâm trâu được người Bana gọi là x'trăng, là một lễ hội tế thần linh, ăn mừng chiến thắng, mừng mùa màng bội thu, mừng lễ hội mùa xuân hay mừng các sự kiện trọng đại trong năm. Tùy theo hoàn cảnh ở từng địa phương mà bà con tổ chức lễ đâm trâu.

Lễ đâm trâu thường được tổ chức vào khoảng thời gian từ tháng Chạp cho đến tháng 3 âm lịch. Đó là là khi mùa màng thu hoạch xong, thóc đã được đưa vào bồ, các gia đình được nghỉ ngơi. Người Bana tổ chức lễ đâm trâu là để tạ ơn thần linh, đón mừng năm mới, cầu mong sức khỏe cho mọi người và cầu chúc cho một năm mới mùa màng tươi tốt. Anh Đào Minh Ngọc, hướng dẫn viên Bảo tàng dân tộc tỉnh Đắk Lắk, cho biết: “Lễ hội đâm trâu là lễ hội lớn linh thiêng đối với người Bana. Lễ hội đâm trâu (còn gọi là lễ hiến sinh) phải trải qua nhiều nghi lễ nhỏ với nhiều hình thức như: lễ cúng thần linh, nghi lễ uống rượu cần, diễn tấu công chiêng và có bài khốc trâu. Lễ hội đâm trâu chỉ được dùng trong cúng thần linh”.

Lễ đâm trâu thường diễn ra trong 3 ngày đêm. Để chuẩn bị cho lễ đâm trâu, người Bana phải chuẩn bị hàng tháng trời. Những người đàn ông khỏe mạnh trong buôn được cử vào rừng chọn những cây gỗ Polang thẳng, đẹp nhất để làm cột Gun, chọn những cây mây vàng bóng để bện thành sợi dây vũng chãi buộc trâu trong ngày lễ. Thường thì lễ đâm trâu tế Giàng (Thần linh) được tổ chức vào sáng sớm, lúc mặt trời vừa lên. Dân làng chọn một con trâu khỏe mạnh làm vật hiến sinh, con trâu này được coi như vị sứ giả chuyển lời cầu khẩn, ý nguyện của bà

con tới các vị thần. Vào ngày lễ, trâu được đưa đi tắm rửa sạch sẽ và cho ăn uống no nê rồi đem buộc bằng dây mây vào cột Gun mà người Ba Na gọi cây cột này là gung sakapô. Đây là một cây cột gỗ cao trên 5 mét, được trang trí hoa văn, hoa rường và cờ rất đẹp. Trên đỉnh cột thường đặt một biểu trưng hình chim Phượng hoàng bằng gỗ. Khi con trâu được cột vào Gung, làng cử đại diện gồm: già làng, thanh niên nam, nữ, trẻ nhỏ dắt trâu đi vòng quanh cột vừa đi vừa nói những điều tốt đẹp. Đây cũng là lúc bà con trong buôn tập trung lại và những nghi thức của buổi lễ bắt đầu.

Chủ lễ là già làng, người có uy tín nhất cộng đồng đọc lời khẩn trời đất, cầu chúc mưa thuận gió hòa, dân làng khỏe mạnh, hoa trái mùa màng tốt tươi... Khấn Giàng xong, con trai, con gái nhảy múa vòng tròn theo nhịp cồng chiêng rộn rã, âm vang khắp núi rừng. Một người lớn tuổi được cử ra để mời bà con và khách uống rượu cần thể hiện lòng hiếu khách. Tâm điểm của lễ hội là các chàng trai trong buôn biểu diễn các màn võ truyền thống quanh cột Gun buộc trâu, trong khi các cô gái nối thành vòng xoang nhảy múa theo nhịp cồng chiêng. Sau một đêm nhảy múa, ca hát, buôn cử 5 người đại diện gồm 3 thầy cúng và 2 già làng làm lễ hiến sinh đọc thần chú, xin dâng cúng trâu cho thần linh và cầu nguyện những điều tốt đẹp còn mọi người ngồi nói chuyện, uống rượu cần.

Suốt đêm hôm ấy bà con dân làng thức với con trâu, khóc thương con trâu, bày tỏ tình cảm của mình với con trâu bằng bài hát "Khóc trâu". Bài hát với lời: lâu nay trâu sống cùng với con người, giúp đỡ người trong công việc đồng áng nặng nhọc, nhưng vì làng có việc trọng đại, cần đến trâu để tạ ơn Giàng, mong trâu vui vẻ thực hiện nhiệm vụ của mình. Sau buổi lễ, thịt trâu được chia đều cho tất cả mọi người, từ già đến trẻ nhỏ trong buôn và cả khách mời, ai cũng có phần đem về nhà, mang may mắn cho mọi người. Già làng Bok Ny dân tộc Bana ở tỉnh Kon tum, cho biết: “Lễ hội để cầu mong mưa thuận gió hoà. Sau khi lễ hội xong cũng là kêu gọi bà con phát huy tính tự lực tự cường, cùng nhau làm ăn cần cù để cuộc sống buôn làng ngày càng phát triển đi lên”.

Lễ đâm trâu của người Bana cũng là dịp để con cháu ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc, giúp lớp trẻ hình dung các bước thực hiện lễ đâm trâu để lưu giữ truyền thống tổ tiên. Lễ hội đâm trâu góp phần giữ gìn nét văn hóa dân gian của người Bana, làm phong phú thêm sắc thái văn hóa của dân tộc Việt Nam.

#### **2.4.5. Lễ hội đua nghe ngo của người Khmer Nam Bộ**

Cho đến nay vẫn chưa thể xác định được nguồn gốc hình thành và phát triển của lễ hội Óoc om bóc gắn với việc đua ghe Ngo của người Khmer, nhưng trong dân gian hiện lưu truyền rất nhiều truyền thuyết liên quan đến lễ hội này, trong đó có câu chuyện về tiền kiếp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Với quan niệm Thần linh giúp đỡ con người và con người có thể mạo phạm đến Thần linh nên hàng năm, người Khmer làm lễ để chuộc tội và tạ ơn Thần. Lễ hội cúng Trăng - Óoc om bóc, Thả hoa đăng, Thả đèn trời, đua ghe Ngo chính là hình thức mà người Khmer muốn bày tỏ lòng tri ân của mình đối với Thần Nước,

Thần Đất, cầu xin sự “tha thứ” của Thần về những hành động của con người đã làm tổn hại đến môi trường xung quanh.

Tương truyền, tục đua ghe Ngo của người Khmer ở Sóc Trăng lần đầu tiên được tổ chức tại “Pem Kon Thô” (tức vàm Dù Tho ngày nay thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng). Sau năm 1975, đua ghe Ngo được tổ chức tại sông Nhu Gia và đến nay được tổ chức tại Kinh Sáng (hay còn gọi là sông Xung Định), thuộc trung tâm tỉnh lỵ Sóc Trăng. Từ năm 2013, khi Thủ tướng Chính phủ cho phép Sóc Trăng đứng ra tổ chức “Festival Đua ghe Ngo đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Sóc Trăng lần thứ Nhất năm 2013”, theo định kỳ 2 năm tổ chức 01 lần, đua ghe Ngo được tổ chức với quy mô lớn hơn.

Lễ cúng Trăng (Oóc om bóc) hay lễ "Đút cốm dẹp" (Bon sâm peah preah khe) là lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer. Lễ này diễn ra vào đêm trước rằm tháng “Ka-đâk” (ứng với ngày 15 tháng Mười Âm lịch), cũng là ngày cuối cùng của mùa Hạ và là thời gian thu hoạch các loại hoa màu, trong đó có lúa nếp là sớm nhất. Lễ vật cúng trăng gồm cốm dẹp, dừa, mía, khoai mì, khoai môn...

Ngày 15 tháng Mười là hội đua ghe Ngo truyền thống với sự tham gia của nhiều đội đua đến từ khắp các tỉnh/thành khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đua ghe Ngo trong lễ hội Óoc om bóc được thể hiện dưới 2 hình thức, đó là những nghi thức tế lễ ở gia đình hoặc ở chùa và hội đua ghe Ngo diễn ra tại Kinh Sáng.

"Tuk Ngô" (ghe Ngo) có kết cấu khởi thủy là thuyền độc mộc, làm bằng cây sao. Xưa người dân vào rừng tìm gỗ sao, làm lễ cúng Thần giữ rừng (Neak ta Prey ph'nôm) để được bình an vô sự rồi mới đốn cây. Họ phải dùng sức trâu hoặc voi kéo cây xuống sông, kết thành bè rồi thả theo dòng nước. Cây sao đem về phải cưa, đục, đẽo, khoét thành chiếc ghe độc mộc. Sau này, ghe được cải tiến nối thêm đầu và đuôi đều cong, người Khmer gọi là Tuk Ngô (Tuk là ghe, Cong là ngô - đọc thành Ngo). Những năm gần đây, người thợ đã không ngừng cải tiến kỹ thuật đóng ghe để chiếc ghe Ngo lướt nhanh nhất có thể. Ghe Ngo được đóng dài hơn, từ 30 - 31m, có sức chứa từ 55 - 60 người, thay vì chỉ từ 22 -27m như trước đây. Ghe Ngo có hình thù tựa con rắn Naga, mình thon, thoai thoải về phía trước, đầu uốn cong và hơi thấp hơn sau lái một chút, có nhiều khoang, trên mỗi khoang đóng nhiều thanh cây ngang dài 1,2m làm bằng vừa đủ 2 người ngồi bơi thoải mái theo từng cặp song song gồm 25 đôi. Ghe Ngo có dầm riêng, làm theo nhiều kích cỡ tùy theo từng vị trí người bơi. Đặc biệt, ghe Ngo có hai cây kèm chịu lực, đường kính 0,2m, thường là thân cây tràm vì cây này có độ dẻo, giúp cho ghe nhún nhảy và phóng nhanh, đồng thời giúp giữ chặt ghe không bị gãy đôi. Một cây kèm dài suốt lòng ghe, một cây kèm lái (từ giữa thân ghe về phía sau), gọi là Đon Sonh-Tuôch (cây cần câu). Thân ghe được chà đi chà lại cho thật trơn bóng và sơn màu đen. Trên bề mặt sơn một lần trắng, đỏ hoặc vàng tùy ý thích của sư cả trụ trì, có độ dài khoảng 5cm. Hai bên bề mặt chèo hoặc vẩy rồng, rắn theo mô típ Naga hay hoa lá cách điệu. Ở hai bên mũi ghe vẽ hình các con thú như: rồng, chim công, sư tử, cọp, voi... vừa tượng trưng cho vẻ đẹp, đồng thời biểu hiện cho sức mạnh của ghe mình. Ngày nay, những thân cây sao bằng 2 người ôm hầu như không còn nữa nên ghe Ngo hiện đại được đóng bằng ván cây sao. Có lẽ do kết

cấu của ghe ngày nay mỏng và nhẹ hơn ghe truyền thống nên lướt nhanh hơn. Ghe Ngo được bảo quản trong nhà để ghe dựng trong khuôn viên chùa. Mái che, dàn đà cao chắc chắn để che mưa nắng, phòng mỗi mọt. Nhà ghe là nơi thiêng liêng, ngày xưa phụ nữ không được đến gần. Tuy nhiên, những những năm gần đây, cuộc đua đã có các đội ghe nữ tham gia tranh tài.

Người Khmer tin rằng, ghe Ngo là vật thiêng, làm việc gì với ghe Ngo cũng phải làm lễ. Để chuẩn bị cho cuộc đua, phải làm lễ hạ thủy để kêu gọi Thần linh (Prey) trợ giúp đội ghe thắng lợi. Buổi lễ có sự tham gia của các tay đua và cổ động viên trong phum sóc. Tùy điều kiện mỗi chùa mà lễ hạ thủy có cách thức tiến hành khác nhau, nhưng nhìn chung diễn ra theo trình tự sau: Người dân trong phum sóc tập trung về chùa cùng chuẩn bị lễ vật dâng cúng. Lễ vật được bày cúng trên một chiếc bàn rộng trước mũi ghe Ngo. Thầy cúng làm lễ cùng với tiếng nhạc ngũ âm tấu khúc mời gọi vị Thần bảo vệ ghe Ngo là nữ thần Neng Khmau hay Neng Teo. Nhạc kết thúc, các vị sư đứng ở hai bên phần mũi ghe đọc kinh để cầu bình an, may mắn, thỉnh thoảng vẩy nước vào mũi ghe cầu may mắn, thuận lợi... Tiếp theo, thầy cúng quỳ lạy, cúng dâng lễ vật xin hạ thủy ghe Ngo, cầu xin sức mạnh, chiến thắng mọi địch thủ. Thầy cúng thoa dầu dừa lên mũi ghe và chia cho các tay đua thoa lên đầu. Các tay đua cùng thề nguyện đoàn kết, giành thắng lợi. Trống, còi nổi lên, các tay đua đứng hai bên ghe cùng nhắc bồng ghe lên và từ từ ra bờ sông, hạ xuống nước. Sau lễ cúng, miếng vải đỏ tượng trưng cho nữ thần Neng Khmau được đặt lên mũi ghe trong suốt cuộc đua. Các tay đua lên ghe theo vị trí đã được sắp xếp rồi đồng loạt vung tay chèo theo tiếng còi của huấn luyện viên. Chiếc ghe xé nước lao đi vun vút trong tiếng hò reo của những người theo dõi.

Thông thường, lễ hạ thủy sẽ diễn ra trước cuộc đua chính thức khoảng một tuần. Thời gian đó, đội đua thường xuyên tập luyện trên ghe để đảm bảo sự dẻo dai, đều tay, bền bỉ và quan sát và điều chỉnh hai cây kềm trên ghe sao cho phóng đi một cách nhanh nhất. Các đội thường tập dựa vào con nước vì nước ròng (kém) không tập được. Thời gian tập chủ yếu là sáng sớm và chiều mát để các tay đua không bị mất sức. Tuy nhiên, người ta còn chọn những buổi trưa nắng để tập nhằm nâng cao sức chịu đựng khi vào đua chính thức bởi khi đua có lúc đua từ sáng đến chiều, đòi hỏi sự bền bỉ về thể lực của các tay đua. Trên bờ, người dân ra bờ sông cổ vũ các tay đua của phum, sóc mình luyện tập rất đông.

Đội đua ghe thường có 70 - 80 người gồm tay boi chính thức và dự bị, là những trai tráng khỏe mạnh được cộng đồng lựa chọn. Trên ghe Ngo có 3 người điều khiển. Người ngồi ở vị trí mũi ghe phải là người khá già, có uy tín trong phum sóc. Khi được lựa chọn, người ngồi mũi là người chịu trách nhiệm chỉ đạo kỹ thuật boi của toàn đội, chỉ đạo các nghi lễ liên quan tới hoạt động đua ghe, chỉ đạo chuẩn bị lễ cúng, nuôi các tay boi (“con dằm”) ăn, tập luyện và lo các chi phí khác cho cuộc đua (ngày nay, chi phí cho cuộc đua một phần được chính quyền địa phương hỗ trợ, một phần do nhà chùa quyên góp từ cộng đồng cư dân, tuy nhiên ở một số phum sóc vẫn còn giữ lệ này). Người thứ hai chịu trách nhiệm điều khiển chung bằng cách ra hiệu lệnh bằng còi hoặc công, đặc biệt là thúc giục nhóm tay boi khu vực giữa ghe, được gọi là blong kchay. Người ngồi đuôi giữ nhiệm

vụ điều chỉnh kỹ thuật của các tay bơi, còn gọi là chỉ huy dàn lái (sayak). Sau người ngồi mũi là cặp “con dầm” được gọi là “s’ma tum”. Cặp này phải có kỹ thuật bơi thật nhanh, theo đúng nhịp công hoặc còi để làm chuẩn mực cho các tay bơi ngồi phía sau. Tiếp theo là “kôn chro va” gồm 6 người ngồi bơi; rồi đến “kô lich” là 28 người quỳ bơi, khi ghe gần đến đích, 28 người này đồng loạt đứng lên, một chân làm trụ, một chân dòn lực đẩy hợp cùng cánh tay bơi dầm nhằm làm cho ghe lao nhanh về đích; sau đó là 8 “sroong don” làm nhiệm vụ nhún bơi. Cuối cùng là 3 tay lái: lái chính đứng sau cùng, 2 lái phụ đứng song song phía trước lái chính. Vì chiếc ghe Ngo có hình dáng thon dài như thân hình rắn, hai đầu cong lên, nên khi bơi, trông chiếc ghe như một con rắn đang trườn mình trên mặt nước, rất sinh động. Nhưng nếu động tác của đội bơi phối hợp không nhịp nhàng, ghe dễ bị mất thăng bằng và lật chìm. Vì thế, các tay bơi phải ra sức tập cho thuần thục, theo đúng vị trí của mình. Trước khi đi đua, các đội bơi đều phải tập bơi trên cạn hàng tháng trời. Thông thường, điểm tập bơi là trước sân chùa. Các tay bơi được sắp xếp theo vị trí của mình trên ghe và tập theo tiếng công hay còi của huấn luyện viên cho thật nhịp nhàng, ăn ý.

Theo kinh nghiệm của những đội đua đã từng dành chức vô địch, để ghe lao đi thật nhanh, ngoài kỹ thuật đóng ghe, đòi hỏi các tay chèo phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chính xác từ người ngồi đầu mũi cho đến người lái cuối ghe, tất cả đều như một theo hiệu lệnh bằng còi của người giữ nhịp đứng giữa ghe (người này được xem là “nhạc trưởng” của đội chỉ huy các tay chèo gia tăng nhịp chèo, tốc độ chèo hay chèo đều tay giữ sức cho trận tiếp theo). Có thể nói, đây là kỹ thuật rất quan trọng quyết định thắng hay bại của cả cuộc đua.

Sáng sớm trước ngày đua, các đội đua làm lễ xuất quân. Địa điểm làm lễ xuất quân thường diễn ra ở chùa, ở đoạn sông hay kênh nằm ở trung tâm của phum, sóc. Trong ngày này có đầy đủ chính quyền, sư sãi chùa, chức sắc, các trưởng lão và hầu hết bà con trong phum, sóc. Thường ghe đua được bơi biểu diễn một đoạn ngắn để tạo khí thế lấy đà. Sau đó, ghe đua được một chiếc ghe máy có mã lực mạnh kéo; đi cùng là một chiếc ghe cà hâu (làm nhiệm vụ hậu cần), có cả nơi nghỉ ngơi cho đoàn đua, chở theo dàn trống, dàn nhạc ngũ âm với trên dưới 100 người tham gia, chưa tính cổ động viên tự đi.

Các đội đua đã được bốc thăm chia bảng từ trước, đến giờ đua tất cả các đội ghe tham gia đều tập trung tại khán đài để nhận lịch đua. Đường đua là một đoạn sông từ sông Maspéro (trên đường Lý Thường Kiệt) đến sông Xung Đỉnh, mặt sông được chia làm hai bảng cách cắm phao còi ở giữa. Các ghe phải bơi đúng đường đua của mình và cách nhau ít nhất 5m, tuyệt đối không để mái chèo chạm nhau, không nắm, kéo mái chèo hoặc mạn ghe đội bạn. Trong suốt cuộc đua, người bơi không được tát nước sang ghe đội bạn, không có những lời nói, hành động thiếu văn hóa với đội bạn. Nếu trọng tài phát hiện đội ghe nào vi phạm, Ban Tổ chức sẽ xem xét cảnh cáo hoặc truất quyền thi đấu.

Hội đua ghe tổ chức theo từng đợt một trong 2 ngày, từ vòng loại đến chung kết. Mỗi đợt đua là một cặp ghe theo bảng đã được chia. Cuộc đua chịu sự chi

phôi của thời gian con nước lên, tức khoảng từ 13h00 trở đi. Nếu có đua buổi sáng, thì phải bắt đầu từ 7h30.

Các ghe vào vị trí xuất phát theo thứ tự đã bốc thăm. Theo qui định của Ban Tổ chức, ghe nam xuất phát bằng cách nắm dây cố định để so mũi ghe bằng nhau, mái chèo đưa lên khỏi mặt nước. Còn ghe nữ xuất phát bằng cách gióng hàng so mũi ghe bằng nhau. Nếu có ghe phạm quy (mũi ghe cao hơn dây xuất phát, mái chèo không đưa lên khỏi mặt nước theo qui định hoặc xuất phát trước khi có khẩu lệnh...), Trọng tài sẽ nổi hòi còi, thông báo tạm ngưng đợt đua, nhắc nhở ghe vi phạm và hướng dẫn ghe trở lại vị trí xuất phát. Ghe nào vi phạm trong lần xuất phát thứ 02 sẽ bị xử thua ở lượt đua đó. Chỉ khi nào có lệnh xuất phát từ Trọng tài, các đội ghe mới được phép bơi.

Vào cuộc đua, từng đợt ghe một có thể là một đôi ghe hoặc ba ghe cùng tiến về phía trước ào ào lướt sóng. Tiếng hò reo, cổ vũ, tiếng trống, tiếng kèn, dàn nhạc ngũ âm vang lên làm cho các tay đua không biết mệt mỏi.

Sau khi loại từng đôi thủ, để vào chung kết, đội đua cần phải có các tay đua không chỉ mạnh mà còn bền, kèm theo người chỉ huy giỏi và công việc hậu cần tốt. Kết thúc cuộc đua, ghe chiến thắng được trao giải trước tiếng vỗ tay của rừng người. Đặc biệt, họ không quan trọng quá phần thưởng và đội nào thắng cuộc mà tất cả đều vui vẻ, hẹn gặp lại cuộc đua năm sau.

Kết thúc cuộc đua, tất cả các đội ra về cùng ghe máy hộ tống cổ vũ. Những ghe đi chung đoạn đường sông thì cùng kết thành một đội, cùng vui liên hoan, ca múa trên chiếc ghe cà hâu (ghe hậu cần).

Trong lễ hội Óoc om bók, ngoài nghi lễ cúng trăng, đua ghe Ngo, người Khmer còn thực hành các hoạt động thả đèn gió, thả đèn nước, cò ốc, bi sắt, múa rom vòng, rong leo..., thu hút đông đảo người dân Khmer và cả người Kinh, người Hoa cùng tham dự.

Đua ghe Ngo trong lễ hội Óoc om bók gắn liền với sự hình thành và phát triển của tộc người Khmer có một vị trí quan trọng trong cộng đồng, có mối quan hệ mật thiết đến tín ngưỡng nông nghiệp thể hiện thông qua các lễ vật dâng cúng lên thần linh, cách thực hành nghi lễ. Đua ghe Ngo nhằm đáp ứng nhu cầu về mặt tinh thần của mỗi thành viên trong cộng đồng, giữ gìn và trao truyền cho muôn đời sau. Hình thức tổ chức hội đua ghe Ngo phản ánh được tự nhiên, vũ trụ, con người và vạn vật cũng như văn hóa tộc người... Hội đua ghe Ngo nhằm bày tỏ lòng tri ân của mình và cầu xin sự “tha thứ” của Thần Đất và Thần Nước về những việc làm của con người đã ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, thóc lúa đầy bờ, cuộc sống no đủ... Đua ghe Ngo là sự phản ánh ước nguyện về một cuộc sống dân an, vật thịnh qua việc khẩn cầu vị thần Mặt Trăng và tổ chức đua ghe. Ngoài ra, các trò chơi dân gian khác cũng phần nào nói lên sự gắn bó của lễ hội với môi trường tự nhiên và xã hội của người Khmer. Hội đua ghe Ngo trong lễ hội Óoc om bók của người Khmer ở Sóc Trăng không những góp phần giáo dục con người về tính tập thể, tinh thần kỷ luật, ý chí vươn lên dành chiến thắng, rèn luyện thể chất, sức mạnh dẻo dai, sự khôn



khéo và sức chịu đựng của con người. Hội đua ghe Ngo còn thể hiện được tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết tạo thành một sức mạnh vô song, thể hiện niềm tự hào dân tộc.

Với giá trị tiêu biểu, Lễ hội Đua ghe Ngo của người Khmer được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 74/QĐ-BVHTTDL ngày 12/01/2022./.

## **2.5. Môi quan hệ giữa lễ hội và du lịch**

### **2.5.1. Tính tất yếu khách quan của du lịch lễ hội và lễ hội du lịch**

- Lễ hội là 1 hoạt động văn hoá mang tính tất yếu và thiết yếu trong đời sống văn hoá xã hội của mỗi 1 quốc gia, dân tộc. Đây là 1 sản phẩm của lịch sử, nó ra đời, tồn tại và vận hành cùng lịch sử. Trong khi đó du lịch ra đời muộn hơn nhưng lại phát triển với tốc độ nhanh chóng và là 1 nhu cầu không thể thiếu của con người trong xã hội hiện đại. Tự thân hai hoạt động này tạo ra nhau và tìm đến nhau như là hai thành tố của 1 xã hội phát triển, là 1 xu hướng phát triển tất yếu, khách quan của xã hội loài người trong không gian, môi trường, điều kiện và hoàn cảnh mới

- Kho tàng Lễ hội vốn là 1 thành tố đặc sắc của văn hoá dân tộc. Với mỗi người dân, lễ hội là 1 nhu cầu nội tại tự thân không thể thiếu. . Người dân đi dự lễ hội không chỉ với mục đích cầu xin, nhờ cậy, nương tựa vào thánh thần mà còn đến với lễ hội như đến với sinh hoạt văn hoá ở 1 trình độ, điều kiện cao hơn, với vị thế và tâm thế mới. Người ta đi dự hội với mục đích vui chơi thưởng ngoạn nhiều hơn, đa dạng hơn, mới hơn

- Việc ra đời lễ hội du lịch là 1 sản phẩm tất yếu của quá trình phát triển. Tiềm năng, động lực của kinh tế du lịch ở Việt Nam chính là nền văn hoá Việt Nam và con người Việt Nam. Kinh tế du lịch Việt Nam không chỉ dừng ở mức độ khai thác những thành tựu của quá khứ, dựa trên những cơ sở hạ tầng căn bản của cha ông mà phải sáng tạo trên cơ sở kế thừa những tiềm năng sẵn có

- Việc ra đời, tổ chức các lễ hội du lịch nhằm phát huy những thành tựu văn hoá tổng hợp của cha ông, kết hợp nhuần nhuyễn với tiềm năng văn hoá của địa phương

### **2.5.2. Tác động của lễ hội đến du lịch và ngược lại**

#### **2.5.2.1. Những tác động tích cực**

- Nội dung cơ bản, bản chất của du lịch Việt Nam là du lịch văn hoá. Du lịch VIỆT NAM muốn phát triển, tất yếu phải khai thác và sử dụng các giá trị văn hoá truyền thống, cách tân và hiện đại hoá sao cho phù hợp, hiệu quả trong đó có kho tàng lễ hội truyền thống. Đây là 1 thành tố đặc sắc của văn hoá Việt Nam, cho nên phát triển du lịch lễ hội chính là sử dụng lợi thế, ưu thế của Du lịch Việt Nam trong việc thu hút và phục vụ khách du lịch

- Trong giai đoạn đầu của ngành du lịch Việt Nam, cùng với các thành tố văn hoá - xã hội khác, lễ hội truyền thống Việt Nam chính là 1 loại tài nguyên văn

hoá, đồng thời là 1 sản phẩm du lịch sáng giá có ưu thế nổi trội trong quá trình cạnh tranh quốc tế của ngành du lịch Việt Nam hiện nay

- Loại bỏ những yếu tố tiêu cực của xã hội cũ, đặt vào trong điều kiện mới hôm nay, mùa lễ hội cũng là mùa du lịch, tạo nên hình thức Du lịch lễ hội mang bản sắc văn hoá của các địa phương, vùng miền phong phú đặc sắc

- Du lịch lễ hội đã góp phần phổ biến rộng rãi văn hoá của các địa phương tới mọi miền đất nước, truyền bá văn hoá dân tộc ra thế giới, quảng bá hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế và trong lòng bè bạn thế giới

- Du lịch lễ hội góp phần tạo ra sự giao thoa và đan xen văn hoá, làm giàu kho tàng văn hoá truyền thống của cha ông.

- Lễ hội làm phong phú, đa dạng, hấp dẫn các chương trình du lịch văn hoá, thu hút đông đảo nhiều đối tượng khách du lịch đến với các công ty du lịch, tăng doanh thu cho các công ty đó

- Tính quần thể và mùa vụ của lễ hội và du lịch đã gặp nhau trong cùng thời gian và không gian, chúng sẽ tác động tương hỗ, bổ sung, hoàn thiện và tôn vinh cho nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển, vươn lên đạt được những thành tựu mới

- Đến với lễ hội, du khách được hoà mình vào trong không gian văn hoá đặc sắc cô đọng của các địa phương, được đắm mình trong tình cảm cộng đồng sâu sắc, thấm nhận các giá trị văn hoá của mỗi địa phương được chưng đúc và kiểm nghiệm qua thời gian. Đồng thời khách du lịch cũng sẽ trở thành đối trọng làm thay đổi 1 phần diện mạo của lễ hội, tăng tính thu hút, hấp dẫn của lễ hội, góp phần xoá đi sự nhàm chán, đơn điệu của lễ hội các địa phương

- Du lịch đem đến cho các địa phương có lễ hội nguồn lợi kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương từ các hoạt động dịch vụ.....Nhân dân vùng có lễ hội vừa quảng bá hình ảnh về văn hoá, về đời sống mọi mặt của địa phương mình, vừa có dịp để giao lưu học hỏi các tinh hoa văn hoá đem đến từ phía du khách

- Du lịch đem đến cho lễ hội 1 sắc thái mới, 1 sức sống mới. Du lịch đem đến cho lễ hội môi trường, điều kiện để được trình bày, phô diễn những giá trị mà lễ hội hàm chứa. Thông qua những hoạt động nội tại của mình, lễ hội được hoạt động du lịch kiểm chứng, thẩm định... Từ đó các lễ hội rút ra các bài học cho mình, để rồi tự đổi mới cho phù hợp với điều kiện mới

#### 2.5.2.2. Những tác động tiêu cực

- Với thời gian và không gian hữu hạn của các lễ hội truyền thống, khi khách du lịch tới đông sẽ làm ảnh hưởng, thay đổi, đôi khi đảo lộn các hoạt động bình thường của địa phương nơi có lễ hội

- Hoạt động du lịch với đặc thù riêng của nó dễ làm biến dạng các lễ hội truyền thống. Vì thế lễ hội truyền thống dù có đặc tính mở thì vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội cổ truyền, vốn chỉ phù hợp với 1 khuôn mẫu và không gian bản địa. Nay khi hoạt động du lịch mang tính liên

ngành, liên vùng và xã hội hoá cao.... sẽ dễ làm mất sự cân bằng, dẫn tới sự phá vỡ các khuôn mẫu truyền thống của địa phương trong quá trình diễn ra lễ hội

- Du khách đến với lễ hội rất đông dễ dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân bản. Bản sắc văn hoá vùng miền có nguy cơ bị “mờ” do kết quả của sự giao thoa văn hoá thiếu lành mạnh không thể tránh khỏi đem đến từ phía 1 bộ phận du khách

## ❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 2

- Mục đích phân loại lễ hội
- Phân loại lễ hội Việt Nam
- Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam
- Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch

## ❖ CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2

- Hội tung còn của dân tộc Tày – Nùng
- Lễ hội xuống đồng vùng Tây Bắc
- Lễ hội Katê của người Chăm
- Lễ hội đâm trâu của dân tộc Bana
- Lễ hội đua nghe ngo của người Khmer Nam Bộ
- Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Dương Văn Sáu, Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch, Trường ĐH Văn hoá Hà Nội, 2004.
- Lê Trung Vũ, Lễ hội Việt Nam, Nxb Văn hoá thông tin, 2013
- Ngô Thị Kim Doan, Những Lễ hội Việt Nam tiêu biểu, Nxb Văn hoá thông tin, 2000